

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH Y KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-ĐHYD ngày 12 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

Thái Nguyên, 2020

Số: 143/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo
ngành Y khoa trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Đại học Thái Nguyên về việc Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định 264/QĐ-ĐHYD, ngày 28/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo bác sĩ ngành Y khoa;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học (nội dung kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các khoa, phòng chức năng và bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần/module thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2020-2021.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các khoa, phòng chức năng, bộ môn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học được xây dựng nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên*

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên*

3. Tên chương trình đào tạo: *Ngành Y khoa trình độ đại học*

4. Thông tin chi tiết về các chứng nhận kiểm định được cấp bởi các tổ chức nghề nghiệp hay cơ quan có thẩm quyền: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam*

5. Trình độ đào tạo: *Đại học*

6. Ngành đào tạo: *Y khoa*

7. Mã ngành đào tạo: *7720101*

8. Thời gian đào tạo: *6 năm*

9. Danh hiệu văn bằng: *Bác sĩ Y khoa*

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Bác sĩ y khoa có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức Y học cơ sở vững chắc, kiến thức và kỹ năng cơ bản về Y học lâm sàng và cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mạng của trường, tương thích, phù hợp với Chiến lược phát triển của Nhà trường, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Yêu cầu về kiến thức

1. Vận dụng được kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
2. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
3. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

Yêu cầu về kỹ năng

4. Chẩn đoán, điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được các bệnh thông thường
5. Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường.
6. Phát hiện được những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời.
7. Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường.
8. Thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản.
9. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
10. Phát hiện được dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
11. Thực hiện được các kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng và bảo vệ môi trường.
12. kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.
13. Phát hiện và xử trí được các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh.
14. Xác nhận được tình trạng tử vong và thông báo cho người nhà.
15. Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng.
16. Sử dụng được y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường.
17. Tạo lập được mối quan hệ thân thiện và giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và cộng đồng.
18. Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
19. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2014-TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

20. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
21. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình người bệnh.
22. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp
23. Cung cấp được các thông tin liên quan đến sức khỏe và bệnh tật cho người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp.

24. Tuân thủ đúng các qui định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi ứng xử và hoạt động nghề nghiệp.

25. Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời.

IV. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu về y tế.
2. Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.
3. Các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

1. Bác sĩ nội trú.
2. Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
3. Thạc sĩ y học.
4. Tiến sĩ y học.

VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo, hướng dẫn của Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên (<https://tump.edu.vn/tuyen-sinh>).

- Địa chỉ trang web: <http://tump.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.tump.edu.vn>

- Email tuyển sinh: tuyensinhDTY@tump.edu.vn

2. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học (không bao gồm liên thông chính quy trình độ đại học)

- Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

- **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
1	7720101	Y khoa	550	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán

+ Tiêu chí phụ: Môn Toán.

+ Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp.

+ Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển sinh năm 2020.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Tổ chức tuyển sinh:** Theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT.

- **Chính sách ưu tiên**

+ **Chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng:** Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ **Các đối tượng được xét tuyển thẳng:**

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT.

b) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh.

c) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào các ngành Y khoa; Răng Hàm Mặt; Y học dự phòng; Điều dưỡng; Kỹ thuật xét nghiệm y học. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa học, Vật lý, Tiếng Anh đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành Dược học.

d) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh; đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung đề tài phù hợp với ngành tuyển sinh và đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào các ngành Y học dự phòng; Điều dưỡng; Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế, đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT để xét tuyển thẳng tại Trường.

e) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại trường: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT để xem xét, quyết định cho vào học.

3. Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học

- **Đối tượng tuyển sinh**

+ Người đã có bằng Y sĩ.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

- **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT.

- **Các thông tin xét tuyển**

+ **Điểm xét tuyển (ĐXT-06HK):** là tổng điểm trung bình 06 học kỳ ở THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển; cộng với điểm ưu tiên khu vực và cộng điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

+ Bảng danh mục ngành, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu TS	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào
1	7720101	Y khoa	100	Toán, Hóa học, Sinh học	Đạt một trong các tiêu chí sau: 1. Học lực lớp 12 đạt loại giỏi; 2. Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên (*); 3. Tốt nghiệp THPT loại giỏi; 4. Học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo (**); 5. Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc CĐ đạt loại giỏi; 6. Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc CĐ đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo (**).

(*) Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT là trung bình cộng điểm trung bình các môn học (ĐTBcm) cả năm của 3 năm học THPT.

Cụ thể: $(\text{ĐTBcm cả năm lớp 10} + \text{ĐTBcm cả năm lớp 11} + \text{ĐTBcm cả năm lớp 12})/3 \geq 8,0$.

(**) Thời gian xác định kinh nghiệm công tác được tính đến 30/6/2020.

- Chính sách ưu tiên

+ Chính sách ưu tiên theo đối tượng: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chính sách ưu tiên theo khu vực: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng Nhà trường không áp dụng xét ưu tiên trong thời gian học trung cấp.

+ Nguyên tắc xét tuyển

+ Thí sinh có đủ các điều kiện và đáp ứng yêu cầu của trường có quyền ĐKXT.

+ Xét tuyển lần lượt điểm từ cao xuống thấp dựa vào **ĐXT-06HK** cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

+ **ĐXT-06HK** lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình môn Toán làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

4. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 12 học kỳ tương ứng với 6 năm học, gồm 190 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 6 năm, thời gian học tập tối thiểu 5 năm và thời gian học tập tối đa 9 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 18 tuần học, 3 tuần thi, và học kỳ phụ khoảng 6 tuần.

5. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là SV hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần và số TC quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.

VI. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Về cơ cấu tổ chức Nhà trường gồm có 08 phòng chức năng, 7 khoa trực thuộc trường (trong đó có 50 bộ môn trực thuộc khoa); 4 Bộ môn trực thuộc trường. Đội ngũ cán bộ của Nhà trường trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Hiện tại, Nhà trường có 473 cán bộ viên chức; trong đó có 325 giảng viên cơ hữu, bao gồm 23 Giáo sư và Phó giáo sư; 68 Tiến sĩ và Chuyên khoa II; 211 Thạc sĩ, 8 Chuyên khoa I và Bác sĩ nội trú. Tỷ lệ cán bộ có trình độ Sau đại học đạt 65,54 %; số giảng viên thỉnh giảng là 267. Trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ, bồi dưỡng cán bộ có trình độ chuyên sâu, hàng năm có khoảng 50 cán bộ được cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ trong và ngoài nước.

Hiện tại nhà trường có tổng số 35 phòng thí nghiệm, phòng thực hành với diện tích xây dựng là 11.796 m². Các phòng thực hành này được sử dụng cho sinh viên ngành Y khoa và một số ngành đào tạo khác. Các khoa/bộ môn tham gia đào tạo Bác sĩ Y khoa như KHCB, YHCS, YTCC, Dược, Điều dưỡng đều có phòng thí nghiệm, thực hành với trang thiết bị, máy móc hiện đại để phục vụ cho đào tạo và NCKH của GV và SV. Ngoài ra, tại các bệnh viện thực hành đều có các khoa chuyên khoa sâu với nhiều trang thiết bị hiện đại và lượng bệnh nhân đông như Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và Bệnh viện A Thái Nguyên.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc cho các phòng chức năng, các khoa, các bộ môn trực thuộc Trường và trực thuộc khoa. Toàn bộ diện tích các công trình xây dựng được sử dụng chung cho tất cả các CTĐT của Trường bao gồm: Tổng diện tích sàn xây dựng của Trường là 34.845 m², trong đó giảng đường và phòng học có 10.549 m², 01 phòng học đa phương tiện với diện tích 120 m², hội trường và thư viện 1.365 m², bệnh viện thực hành 28 phòng với 1.358 m², nhà làm việc 8.773 m², diện tích học tập thể dục thể thao 2.319 m², các công trình phụ trợ 2.709 m². Hệ thống phòng học lý thuyết của Trường tại các khu giảng đường A, B, C được trang bị đủ thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng và thông gió và lắp đặt các thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ. Số lượng phòng học đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo của tất cả các CTĐT, sinh viên hầu như không phải học ngoài giờ và ngày nghỉ.

VII. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra của sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra học phần/module. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp

giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá, tài liệu dạy học. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Các phương pháp dạy học

- Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm.
- Hình thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.
- Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, ca lâm sàng, câu hỏi clicker, TBL, trình diễn mẫu, nghiên cứu tình huống, giảng bên giường bệnh, cầm tay chỉ việc, bảng kiểm....phù hợp với giảng lý thuyết/lâm sàng, giúp sinh viên dần tiếp cận với việc áp dụng kiến thức vào giải quyết tình huống cụ thể.

Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học, chương trình đào tạo.
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người bác sĩ.
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV, về chương trình đào tạo.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

VIII. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần/module, và chuẩn đầu ra môn học phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần/module và thi kết thúc học phần/module. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống, OSCE... Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy định của Trường.

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm

bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		
	Các học phần/môn học chung	20	10,53
	Các học phần/môn học khoa học cơ bản	26	13,68
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
	Các học phần/module cơ sở ngành	58	30,52
	Các học phần/module chuyên ngành	78	41,05
	Học phần thực tập tốt nghiệp	4	2,11
3.	Các học phần tự chọn	4	2,11
	Khối lượng kiến thức toàn khóa	190	100

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

2. Danh mục các học phần/môn học/module bắt buộc

2.1. Phần giáo dục đại cương

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
Các học phần/môn học chung		
1.	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4
2.	Giáo dục thể chất 1	2
3.	Giáo dục thể chất 2	1
4.	Triết học Mác-Lê Nin	3
5.	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2
6.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
8.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
9.	Pháp luật đại cương	2
	Tổng	20
Các học phần/môn học khoa học cơ bản		
10.	Module 1: Khoa học cơ bản 1	3
11.	Module 2: Khoa học cơ bản 2	3
12.	Xác suất thống kê trong y học	2
13.	Tin học đại cương	2
14.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
15.	Tiếng Anh 1	2
16.	Tiếng Anh 2	2
17.	Tiếng Anh 3	2
18.	Tiếng Anh 4	2

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
19.	Tiếng Anh 5	2
20.	Tiếng Anh 6	2
21.	Tiếng Anh 7	2
	Tổng	26

2.2. Các học phần/môn học/module cơ sở ngành

STT	Tên học phần/môn học/module	Tổng số tín chỉ
22.	Module 3: Y cơ sở 1	5
23.	Module 4: Y cơ sở 2	5
24.	Module 5: Y cơ sở 3	4
25.	Module 6: Hệ Huyết học - Bạch huyết	2
26.	Module 7: Hệ tim mạch	2
27.	Module 8: Hệ hô hấp	2
28.	Module 9: Thực hành y khoa 1	2
29.	Module 10: Hệ tiêu hóa	2
30.	Module 11: Hệ tiết niệu	2
31.	Module 12: Hệ Da - Cơ - Xương	2
32.	Module 13: Thực hành y khoa 2	2
33.	Module 14: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	3
34.	Module 15: Hệ thần kinh	2
35.	Module 16: Thực hành y khoa 3	2
36.	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2
37.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2
38.	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2
39.	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	2
40.	Dịch tễ	2
41.	Dược Lâm sàng	2
42.	Chẩn đoán hình ảnh	2
43.	Kinh tế y tế- Bảo hiểm y tế	2
44.	Tính chuyên nghiệp 1	1
45.	Tính chuyên nghiệp 2	1
46.	Tính chuyên nghiệp 3	1
47.	Thực tập cộng đồng	2
	Tổng	58

2.3. Các học phần/môn học chuyên ngành

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
48.	Nội cơ sở	4

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
49.	Ngoại cơ sở	4
50.	Nội bệnh lý 1	4
51.	Ngoại bệnh lý 1	4
52.	Sản phụ khoa 1	4
53.	Nhi khoa 1	4
54.	Da liễu	2
55.	Thần kinh	2
56.	Lao và Bệnh phổi	2
57.	Sức khỏe tâm thần	2
58.	Y học cổ truyền	2
59.	Mắt	2
60.	Răng hàm mặt	2
61.	Tai mũi họng	2
62.	Truyền nhiễm	2
63.	Ung thư	2
64.	Phục hồi chức năng	2
65.	Nội bệnh lý 2	3
66.	Ngoại bệnh lý 2	3
67.	Sản phụ khoa 2	3
68.	Nhi khoa 2	3
69.	Nội bệnh lý 3	5
70.	Ngoại bệnh lý 3	5
71.	Sản phụ khoa 3	5
72.	Nhi khoa 3	5
	Tổng	78

2.4. Học phần/môn học thực tế

STT	Tên học phần/ môn học	Tổng số tín chỉ
73.	Thực tập tốt nghiệp	4

3. Các học phần/môn học tự chọn

STT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
	<i>Phần chuyên ngành (5 học phần chọn 2)</i>	
1.	Pháp y	2
2.	Gây mê hồi sức	2
3.	Nhân học Y học	2
4.	Một sức khỏe	2
5.	Y học gia đình	2
	Tổng	4

4. Mã học phần/môn học/module và phân bố theo học kỳ

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học/module	Số tín chỉ	HP/module tiên quyết	Học kỳ
NĂM 1			30		
1	BAS131	Module 1: Khoa học cơ bản 1	3		1
2	BAS132	Module 2: Khoa học cơ bản 2	3		1
3	PHE121	Giáo dục thể chất 1	2		1
4	GIF121	Tin học	2		1
5	MIE141	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4		1
6	BME251	Module 3: Y cơ sở 1	5		2
7	BME252	Module 4: Y cơ sở 2	5		2
8	BME243	Module 5: Y cơ sở 3	4		2
9	ENG121	Tiếng Anh 1	2		2
NĂM 2			33		
10	HEM221	Module 6: Hệ Huyết học - Bạch huyết	2		3
11	CAR221	Module 7: Hệ tim mạch	2		3
12	RES221	Module 8: Hệ hô hấp	2		3
13	POM221	Module 9: Thực hành y khoa 1	2		3
14	PSM121	Xác suất thống kê trong y học	2		3
15	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121	3
16	PRO211	Tính chuyên nghiệp 1	1		3
17	BLA121	Pháp luật đại cương	2		3
18	PHE112	Giáo dục thể chất 2	1		3
19	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG122	4
20	PML131	Triết học Mác-Lê Nin	3		4
21	DIG221	Module 10: Hệ tiêu hóa	2		4
22	URI221	Module 11: Hệ tiết niệu	2		4
23	SMB221	Module 12: Hệ Da - Cơ - Xương	2		4
24	POM222	Module 13: Thực hành y khoa 2	2		4
25	NFS421	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2		4
26	HMP421	Tổ chức quản lý y tế -Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2		4
NĂM 3			34		
27	ERM231	Module 14: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	3		5
28	NER221	Module 15: Hệ thần kinh	2		5
29	POM223	Module 16: Thực hành y khoa 3	2		5
30	PEM121	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	2		5
31	CEH421	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	2		5
32	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG123	5
33	EOH421	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	2		5
34	PRO212	Tính chuyên nghiệp 2	1		5
35	BIN341	Nội cơ sở	4	POM221,	6

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học/module	Số tín chỉ	HP/module tiên quyết	Học kỳ
36	BSU341	Ngoại cơ sở	4	POM222, POM223	6
37	IDI221	Chẩn đoán hình ảnh	2	BAS131, BME251	6
38	chọn 1 trong 2 học phần				
	ANE521	Gây mê hồi sức	2	POM221, POM222, POM223	6
	AME521	Nhân học y học	2		6
39	MSR121	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		6
40	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		6
41	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG124	6
NĂM 4			33		
42	IME341	Nội bệnh lý 1	4	BIN341	7
43	SUR-341	Ngoại bệnh lý 1	4	BSU341	7
45	OGY341	Sản phụ khoa 1	4	POM221, POM222, POM223	7
46	ENG126	Tiếng Anh 6	2	ENG124	7
47	EPI421	Dịch tễ	2	BME243	7
48	PRO213	Tính chuyên nghiệp 3	1		7
49	PED341	Nhi khoa 1	4	POM221, POM222, POM223	8
50	ENG127	Tiếng Anh 7	2	ENG124	8
51	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		8
52	DER321	Da liễu	2	IME341,	8
53	NEU321	Thần kinh	2	SUR-341,	8
54	PSY321	Sức khỏe tâm thần	2	OGY341,	8
55	TME321	Y học cổ truyền	2	PED341	8
NĂM 5			34		
56	TPD321	Lao và Bệnh phổi	2	IME341,	9
57	OPH321	Mắt	2	SUR-341,	9
58	OST321	Răng hàm mặt	2	OGY341,	9
59	OTO321	Tai mũi họng	2	PED341	9
60	ONC321	Ung thư	2		9
61	REH321	Phục hồi chức năng	2		9
62	Chọn 1 trong 3 học phần				
	FME521	Y pháp	2		9
	FAM521	Y học gia đình	2	IME341, SUR-341, OGY341, PED341	9

TT	Mã số	Tên học phần/ môn học/module	Số tín chỉ	HP/module tiên quyết	Học kỳ
	OHE521	Một sức khỏe	2		9
63	MEI421	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2		9
	CPH221	Dược lâm sàng	2	BME252	9
64	INF321	Truyền nhiễm	2	IME341, SUR-341, OGY341, PED341, EPI421	10
65	IME332	Nội bệnh lý 2	3	IME341	10
66	SUR332	Ngoại bệnh lý 2	3	SUR-341	10
67	OGY332	Sản phụ khoa 2	3	OGY341	10
68	PED332	Nhi khoa 2	3	PED341	10
69	CPR421	Thực tập cộng đồng	2	NFS421, HMP421, CEH421, EOH421, EPI421	10
NĂM 6			26		
70	IME353	Nội bệnh lý 3	5	IME332	11
71	SUR353	Ngoại bệnh lý 3	5	SUR332	11
72	OGY353	Sản phụ khoa 3	5	OGY332	11
73	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		11
74	PED353	Nhi khoa 3	5	PED332	12
75	GPR441	Thực tập tốt nghiệp	4	Tất cả các HP	12
Tổng			190		

6. Mức độ đóng góp của các học phần/module để đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mức độ đóng góp của học phần so với CDR: 1 Thấp; 2 Vừa; 3 Cao

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	niệu																										
23.	Module 12: Hệ Da - Cơ - Xương	SMB221		2			2																				
24.	Module 13: Thực hành y khoa 2	POM222								1	2					1	2										
25.	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	NFS421		1																							
26.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	HMP421	1	1																							
27.	Module 14: Hệ Nội tiết - Sinh sản - Chuyển hóa	ERM231		2			2																				
28.	Module 15: Hệ thần kinh	NER221		2			2		1																		
29.	Module 16: Thực hành y khoa 3	POM223								1	2					1	2										
30.	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	PEM121	3																							2	
31.	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	CEH421	1						3		3						1				1	1	1	1			
32.	Tiếng Anh 4	ENG124			1															3							
33.	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	EOH421		1						3		3						1				1	1	1	1		
34.	Tính chuyên nghiệp 2	PRO212	2						2	2	2				2		1										
35.	Nội cơ sở	BIN341		2		2	2	2	2	1			1		2				2			1	1	1	2		1
36.	Ngoại cơ sở	BSU341		2		2	2	2	2	1			1		2				2			1	1	1	2		1
37.	Chẩn đoán hình ảnh	IDI221		1		1		1	2																		
38.	Chọn 1 trong 2 học																										

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	phần																										
	Gây mê hồi sức	ANE521		2		1	1	1																			
	Nhân học y học	AME521				3																					
39.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	MSR121				3																					
40.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	3																								
41.	Tiếng Anh 5	ENG125			1															3							
42.	Nội bệnh lý 1	IME341		2		3	3	3	3	2			2		3				3			2	2	2	3		2
43.	Ngoại bệnh lý 1	SUR341		2		3	3	3	3	2			2		3				3			2	2	2	3		2
44.	Sản phụ khoa 1	OGY341		2		3	3	3	3	2			2		3				3			2	2	2	3		2
45.	Tiếng Anh 6	ENG126			1															3							
46.	Dịch tễ	EPI421		1								3				1											
47.	Tính chuyên nghiệp 3	PRO213	3							2	2	2			2	1											
48.	Nhi khoa 1	PED341		2		3	3	3	3	2			2		3				3			2	2	2	3		2
49.	Tiếng Anh 7	ENG127			1															3							
50.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	3																								
51.	Da liễu	DER321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			2	1				
52.	Thần kinh	NEU321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
53.	Sức khỏe tâm thần	PSY321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
54.	Y học cổ truyền	TME321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
55.	Lao và Bệnh phổi	TPD321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
56.	Mắt	OPH321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
57.	Răng hàm mặt	OST321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
58.	Tai mũi họng	OTO321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
59.	Ung thư	ONC321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		
60.	Phục hồi chức năng	REH321		2		2			1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra																									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
61.	Chọn 1 trong 3 học phần																											
	Y pháp	FME521		1												3									1		1	1
	Y học gia đình	FAM521		2						2	2																	
	Một sức khỏe	OHE521								2	3																	
62.	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	MEI421	1	1																							1	
63.	Dược lâm sàng	CPH221		2												3												
64.	Truyền nhiễm	INF321		2		2				1	1					1	1	1							1	1	1	1
65.	Nội bệnh lý 2	IME332		2		3	3	3	3	3	2					2		3							2	2	2	3
66.	Ngoại bệnh lý 2	SUR332		2		3	3	3	3	2						2		3							2	2	2	3
67.	Sản phụ khoa 2	OGY332		2		3	3	3	3	2						2		3							2	2	2	3
68.	Nhi khoa 2	PED332		2		3	3	3	3	2						2		3							2	2	2	3
69.	Thực tập cộng đồng	CPR421	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2										2	2	2	2
70.	Nội bệnh lý 3	IME353		2		3	3	3	3	2						2		3							2	2	2	3
71.	Ngoại bệnh lý 3	SUR353		2		3	3	3	3	2						2		3							2	2	2	3
72.	Sản phụ khoa 3	OGY353		2		3	3	3	3	2						2		3							2	2	2	3
73.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	3																									
74.	Nhi khoa 3	PED353		2		3	3	3	3	2						2		3							2	2	2	3
75.	Thực tập tốt nghiệp	GPR441	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2										2	2	2	2

X. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN/MODULE

MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN/MODULE NĂM 1

1. MODULE KHOA HỌC CƠ BẢN 1

Module KHCB 1 bao gồm 2 học phần: học phần Vật lý-Lý sinh y học và Hóa học, bao gồm 3 tín chỉ (24 tiết lý thuyết, 2 tiết bài tập, 30 tiết thảo luận, 05 tiết thực hành). Học phần Vật lý-Lý sinh y học sử dụng các kiến thức và quy luật Vật lý để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống, nghiên cứu ảnh hưởng và tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các phương pháp và kỹ thuật y học hiện đại trên lâm sàng. Học phần Hóa học gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm nhiệt động học và động hóa học, nồng độ và tính chất của dung dịch, dung dịch chất điện li, những tính chất cơ bản của các nguyên tố kim loại và phi kim, các hợp chất vô cơ, một số hợp chất hữu cơ như cacbohydrat, lipid, protein, Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết, chứng minh cho lý thuyết. Kết thúc Modul sinh viên có vốn kiến thức cơ bản để học các môn cơ sở ngành, các modul hệ cơ quan, các học phần cận lâm sàng, lâm sàng và ứng dụng thực hành nghề nghiệp.

2. MODULE KHOA HỌC CƠ BẢN 2

Module KHCB 2 bao gồm 03 tín chỉ lý thuyết được giảng dạy ở học kì I cho đối tượng Bác sĩ Y khoa nhằm đáp ứng CDR 01 trong chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Bác sĩ ngành Y khoa, học phần cung cấp cho sinh viên học theo chương trình đổi mới Bác sĩ đa khoa những vấn đề cơ bản nhất của Di truyền ứng dụng trong Y học, Sinh học phát triển tạo cơ sở để sinh viên học tiếp các môn học của Y học cơ sở và lâm sàng bao gồm các nội dung: đặc điểm cấu tạo, tái tạo của tế bào; quá trình hình thành và phát triển bình thường các cơ quan của cơ thể người ở thời kỳ phôi thai; giới thiệu các nguyên nhân, cơ chế gây ra các phát triển bất thường, đặc điểm bộ NST của người, đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học NST, các quy luật di truyền : đơn gen, đa gen, đa alen, giới tính, nguyên lý của một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học và tư vấn di truyền y học. Nội dung của học phần là những kiến thức cơ bản là nền tảng cơ sở khoa học giúp người học giải thích được các phát triển bất thường, hỗ trợ công tác tư vấn dự phòng, chẩn đoán và điều trị.

3. MODULE Y HỌC CƠ SỞ 1

Khi kết thúc học phần Module Y học cơ sở 1, sinh viên có các kiến thức cơ bản về cấu trúc đại thể và vi thể của các cơ quan trong cơ thể người, biết được những hình ảnh bình thường và những hình ảnh bệnh lý của các tổn thương cơ bản của mô và tế bào. Từ đó vận dụng vào giải thích các triệu chứng và các dấu hiệu bệnh của các ca lâm sàng trong các Module hệ cơ quan. Đồng thời, bước đầu biết cách lựa chọn kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh phù hợp, hiểu được giá trị của xét nghiệm đối với các chuyên khoa, đặc biệt chuyên khoa u bướu, từ đó tạo tiền đề cho việc thăm khám và điều trị bệnh trên lâm sàng.

4. MODULE Y HỌC CƠ SỞ 2

Module Y cơ sở 2 gồm 5 tín chỉ, được dạy học ở học kỳ 2 năm thứ nhất của Chương đào tạo Y khoa đổi mới. Học phần này nhằm đáp ứng CDR2, CDR7, CDR23, CDDR25, CDR26 của Chương trình đào tạo ngành Y khoa về vận dụng những kiến

thức Y Dược học cơ sở trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, lựa chọn, phân tích được một số xét nghiệm cho chẩn đoán và điều trị. Module Y cơ sở 2 là sự lồng ghép tích hợp của các học phần Sinh lý đại cương, Hóa sinh đại cương, Sinh lý bệnh đại cương, Dược lý đại cương gắn với lâm sàng giúp sinh viên vận dụng được những hiểu biết qui luật chung của hoạt động và điều hòa hoạt động bình thường ở mức tế bào, các cơ quan trong duy trì hằng tính nội môi để giải thích những rối loạn chuyển hóa ở mức tế bào, cơ quan: rối loạn nước - điện giải, rối loạn thăng bằng acid-base, rối loạn thân nhiệt. Trên cơ sở đó, có thể giải thích được cơ chế tác dụng của thuốc và một số yếu tố ảnh hưởng đến dược lực học của thuốc. Đồng thời người học thực hiện được kỹ năng: đọc, viết đúng tên thuốc theo danh pháp quốc tế vận dụng trong thực hành nghề nghiệp sau này.

5. MODULE Y HỌC CƠ SỞ 3

Module Y cơ sở 3 giới thiệu các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, cách thức cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch; cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số cơ chế bệnh lý rối loạn miễn dịch thường gặp (quá mẫn, thiếu năng miễn dịch, bệnh tự miễn), đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu trúc, cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và ký sinh trùng, nguyên lý, nguyên tắc các phương pháp chẩn đoán, điều trị và dự phòng kiểm soát bệnh nhiễm trùng, nhiễm ký sinh trùng. Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện và phân tích kết quả một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về miễn dịch, vi sinh và ký sinh trùng.

6. TIẾNG ANH 1

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp các từ vựng chuyên ngành Y liên quan đến các bộ phận của cơ thể người, các từ chỉ dấu hiệu và triệu chứng, và kiểu đau thường gặp, vị trí việc làm ở bệnh viện, môi trường làm việc, trang thiết bị tại các khoa, phòng, những chỉ dẫn trong bệnh viện, đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp của thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, cấu trúc so sánh. Thông qua các bài học và các tình huống khám chữa bệnh quen thuộc hàng ngày, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

7. TIN HỌC

Học phần giúp cung cấp các kiến thức cơ bản, cần thiết về máy tính bao gồm một số kiến thức cơ bản như sau: Hệ điều hành Windows, mạng máy tính Internet, hệ soạn thảo văn bản MS Word, bảng tính MS Excel, trình chiếu MS Powerpoint

Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

8. HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

Học phần giáo dục thể chất 1 gồm 02 môn thể thao đó là nhảy cao và bóng chuyền, do vậy học phần này sẽ gồm các kỹ thuật của môn nhảy cao và các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Bộ môn Giáo dục thể chất trường Đại học Y Dược Thái Nguyên tiến hành giảng dạy động tác kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của môn nhảy cao, môn bóng chuyền nhằm nâng cao thể chất, tính linh hoạt cũng như lòng dũng cảm cho sinh viên. Giảng viên thuyết trình, thị phạm động tác kỹ thuật, quan sát hướng dẫn và sửa sai cho sinh viên.

9. HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN NĂM 2

1. MODULE HUYẾT HỌC – BẠCH HUYẾT

Module huyết học – bạch huyết cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng của cơ quan tạo máu và bạch huyết, quá trình biệt hóa bình thường của các dòng tế bào máu (hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu); chức năng đông – cầm máu bình thường và một số rối loạn. Với những kiến thức đó giải thích một số dấu hiệu lâm sàng, những thay đổi giá trị xét nghiệm của một số bệnh lý huyết học và bạch huyết thường gặp.

Phương pháp giảng kết hợp thảo luận nhóm và thực hành giúp sinh viên hình thành kiến thức và kỹ năng trong biện luận lâm sàng, làm nền tảng giúp cho sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

2. MODULE TIM MẠCH

Module tim mạch gồm các bài giảng cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng bình thường và điều hòa chức năng của hệ thống tuần hoàn. Dựa trên những kiến thức này sẽ giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh tim mạch phổ biến.

3. MODULE HÔ HẤP

Module Hô hấp mô tả cấu trúc, chức năng của hệ hô hấp, giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý, cơ sở chẩn đoán, điều trị và dự phòng của một số bệnh lý hô hấp thường gặp, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận lâm sàng trong các năm học tập và thực hành nghề nghiệp. Quá trình học module này giúp sinh viên hình thành kỹ năng tự học và học suốt đời.

4. MODULE TIÊU HÓA

Module tiêu hóa cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các cơ quan trong cơ thể tham gia vào hệ tiêu hóa bao gồm cấu trúc và chức năng của các cơ quan đó trong vận động cơ học, tiêu hóa, hấp thu, bài tiết và bài xuất các chất. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được một số biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên tắc điều trị một số bệnh lý thường gặp của hệ tiêu hóa, tạo nền tảng cho kỹ năng biện luận lâm sàng trong các năm học tiếp theo và hành nghề sau này.

5. MODULE HỆ TIẾT NIỆU

Module hệ tiết niệu mô tả hình thái, cấu trúc, chức năng của thận và đường dẫn niệu, giải thích cơ chế hoạt động bình thường của chúng cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể giải thích được biểu hiện bệnh lý của một số bệnh thường gặp trong hệ tiết niệu, tạo nền tảng giúp cho việc chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý này trong các năm học tiếp theo. Với phương pháp giảng kết hợp elearning, học đảo chiều cùng với thảo luận nhóm và thực hành cung cấp cho sinh viên các kỹ năng giúp sinh viên tự học suốt đời.

6. THỰC HÀNH Y KHOA 1

Module Thực hành y khoa 1 (POM 1) được học vào học kì 1 năm thứ 2. Nội dung chính gồm: Kỹ năng đề khai thác bệnh sử - tiền sử của người bệnh; kỹ năng khám lâm sàng và một số kỹ thuật y khoa liên quan đến hệ cơ quan tạo máu, tim mạch, hô hấp. Module POM1 dạy cho sinh viên bắt đầu biết thể hiện tính chuyên nghiệp trong khi giao tiếp và thực hành lâm sàng. Những kỹ năng thực hành được học trong module giúp cho sinh viên tự học tập, tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp suốt đời. Sinh viên được học theo phương pháp tích cực dưới sự hỗ trợ của các giảng viên lâm sàng, điều dưỡng, HLKN. Sinh viên được học 9 buổi thực hành tại Lab và được đánh giá theo bảng kiểm vào cuối mỗi buổi học, sinh viên phải đi thực tập 3 ngày tại các bệnh viện thực hành và được đánh giá dựa vào việc hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng và báo cáo khi kết thúc đợt thực hành bệnh viện. Cuối đợt học, sinh viên sẽ phải thi OSCE.

7. THỰC HÀNH Y KHOA 2

Module Thực hành Y khoa 2 (POM 2) trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp; kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám các hệ cơ quan tiêu hóa, tiết niệu, da - cơ - xương - khớp và một số thủ thuật/kỹ thuật liên quan đến các hệ cơ quan trên; module này cũng trang bị cho sinh viên có thái độ đúng mực nhưng thân thiện khi giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp. Những kỹ năng cung cấp cho sinh viên trong module này giúp cho sinh viên tự học suốt đời.

Module POM 2 bao gồm 8 bài thực hành tại phòng Lab và 4 ngày đi thực hành tại các Bệnh viện tuyến huyện và Trung tâm y tế Thành phố. Kết thúc mỗi bài thực hành tại Lab sinh viên sẽ được lượng giá bằng bảng kiểm, với hoạt động thực tập tại bệnh viện sinh viên sẽ được lượng giá bằng việc hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng và viết báo cáo cảm nhận về quá trình đi thực hành bệnh viện, kết thúc Module sinh viên sẽ được đánh giá tổng thể dựa vào hình thức thi chạy trạm (OSCE).

8. MODULE DA CƠ XƯƠNG KHỚP

Module Da- cơ xương khớp cung cấp cho sinh viên y khoa kiến thức về cấu trúc và chức năng bình thường của hệ thống Da - cơ xương khớp cùng mạch máu, thần kinh chi phối. Những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được một số biểu hiện bình thường và bệnh lý thường gặp trên lâm sàng cũng như cơ chế tác dụng của thuốc điều trị một số bệnh của hệ thống Da – Cơ xương khớp.

Phần thực hành cung cấp cho sinh viên những hình ảnh bình thường và bệnh lý hệ thống Da – Cơ xương khớp minh họa cho phần lý thuyết. Phương pháp giảng dạy truyền thống kết hợp với Elearning, thảo luận nhóm và thực hành giúp sinh viên có được những kiến thức, tạo nền tảng cho việc tự học và tự nghiên cứu suốt đời.

9. DINH DƯỠNG - AN TOÀN THỰC PHẨM

Học phần Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm. Trong đó, phần dinh dưỡng trang bị cho người học về vai trò của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người, giá trị dinh dưỡng của các loại thực phẩm thông dụng. Học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng, nguyên tắc dinh dưỡng trong điều trị và các chế độ ăn của một số bệnh thường gặp trong bệnh viện.

Nội dung về An toàn thực phẩm đề cập đến đặc điểm vệ sinh của thực phẩm, nguyên nhân và một số loại ngộ độc thực phẩm thường gặp ở nước ta và cách phòng chống.

Song hành với lý thuyết là thực hành, phần này sẽ bồi dưỡng cho người học những kỹ năng quan trọng giúp lựa chọn thực phẩm thông dụng hàng ngày, kỹ thuật xét nghiệm nhanh một số chất độc trong thực phẩm và phương pháp đánh giá an toàn vệ sinh thực phẩm nhà ăn công cộng. Sinh viên cũng được trang bị những kỹ năng để đánh giá tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và xây dựng thực đơn cho các đối tượng.

10. TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ - CTYT QUỐC GIA – DÂN SỐ

Học phần Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số gồm các nội dung cơ bản: Tổ chức quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số, những nội dung này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số và giúp cho sinh viên tự học suốt đời.

Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản.

Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở.

Dân số – Sức khỏe sinh sản đề cập đến những kiến thức về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản, chiến lược Dân số của quốc gia.

11. TIẾNG ANH 3

Học phần Ngoại ngữ 3 cung cấp các thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các hệ cơ quan và các chủ đề y tế, cụ thể là *Hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hệ hô hấp, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm*, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như *câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề quan hệ, cấu trúc với can/ could và should/ must, các cụm động động từ chỉ mục đích của hành động*. Thông qua các bài

học và các tình huống giao tiếp cụ thể trong học phần, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

12. TIẾNG ANH 4

Học phần này cung cấp cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thì tương lai gần, câu bị động, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, động từ tình thái bị động (should, must, have to) và các thuật ngữ trong chuyên ngành y về một số hệ cơ quan như hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ da với số lượng 4 bài trong giáo trình English in Medicine 2 để hỗ trợ sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các bối cảnh y khoa.

13. TÍNH CHUYÊN NGHIỆP 1

Môn học gồm 2 phần cơ bản:

Đại cương về tính chuyên nghiệp: Giới thiệu những khái niệm, nội dung của tính chuyên nghiệp cần thiết trong y khoa. Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận để hình thành tính chuyên nghiệp trong y khoa.

Tâm lý người bệnh, đạo đức y học: Đề cập đến tâm lý của người bệnh và giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Phần này cũng đề cập đến những nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

14. HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

Bóng rổ là một môn thể thao thi đấu đối kháng trực tiếp, các vận động viên sử dụng các động tác kỹ thuật để tấn công đưa bóng vào rổ của đối phương. Bộ môn Giáo dục thể chất trường Đại học Y Dược Thái Nguyên tiến hành giảng dạy cho sinh viên các kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của bóng rổ, nhằm nâng cao thể chất cũng như sự hiểu biết cho sinh viên về môn bóng rổ. Giảng viên thuyết trình, thị phạm động tác kỹ thuật, quan sát hướng dẫn và sửa sai cho sinh viên. Sinh viên chú ý nghe giảng và thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.

14. HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Học phần Triết học Mác - Lênin thuộc học phần kiến thức chung bắt buộc có 3 tín chỉ. Là học phần tiên quyết cho học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần gồm 3 chương cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung nhất, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần nhằm đáp ứng CĐR 1 - Vận dụng đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; CĐR 2 - Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y dược; CĐR 3 - Vận dụng được kiến thức về văn hóa xã hội đặc thù theo vùng miền trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

15. XÁC SUẤT THỐNG KÊ

Nội dung học phần gồm 2 phần: phần Xác suất và phần Thống kê.

+ Khi nghiên cứu phần Xác suất sinh viên sẽ hiểu được tường minh kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố và các công thức tính xác suất. Từ đó sinh viên có thể đưa ra các lập luận logic trong y học. Đồng thời việc nghiên

cứu về đại lượng ngẫu nhiên và một số tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên sẽ giúp cho sinh viên định hướng được các bài toán cần nghiên cứu trong y học.

+ Khi nghiên cứu phần Thống kê sinh viên sẽ hiểu về cách giải quyết các bài toán ước lượng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan và hồi quy. Khi đó sinh viên sẽ biết cách tiếp cận các lưu trữ và hồi cứu các thông tin lâm sàng trong hồ sơ bệnh án (giấy và điện tử), thư viện, các nguồn thông tin trực tuyến một cách phù hợp, đầy đủ, chính xác đảm bảo tính bảo mật và tính pháp lý. Đồng thời sinh viên biết cách thu thập, đánh giá và sử dụng được các thông tin y học giá trị và đáng tin cậy trong nước và nước ngoài. Từ đó đưa ra được những đánh giá hay kiểm chứng về hiệu quả của các can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học.

16. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Đây là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản của nhà nước và pháp luật, hiểu được những kiến thức pháp lý cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật..., nắm được cấu trúc và hình thức biểu hiện của hệ thống pháp luật Việt Nam, hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần gồm 9 chương. Chương 1: Khái quát chung về Nhà nước; Chương 2: Khái quát chung về pháp luật; Chương 3: Hệ thống pháp luật Việt Nam; Chương 4: Luật hiến pháp Việt Nam; Chương 5: Luật hành chính Việt Nam; Chương 6: Luật dân sự Việt Nam; Chương 7: Luật hình sự Việt Nam; Chương 8: Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương 9: Pháp luật phòng, chống tham nhũng.

MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN/MODULE NĂM 3

1. MODULE HỆ THẦN KINH

Hệ thần kinh là một hệ cơ quan biệt hóa cao nhất trong cơ thể người, được cấu tạo bởi một loại mô chuyên biệt là mô thần kinh, gồm các tế bào thần kinh - nơron và các tế bào thần kinh đệm. Về mặt cấu tạo, hệ thần kinh được chia ra làm 2 bộ phận là thần kinh trung ương (não, tủy sống) và thần kinh ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). Về chức năng hệ thần kinh có ba chức năng cơ bản là cảm giác, vận động và thần kinh cao cấp (trí nhớ, cảm xúc).

Module thần kinh sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc đại thể, vi thể và hoạt động chức năng của hệ thần kinh. Từ đó, giúp sinh viên giải thích được cơ chế bệnh sinh, cũng như cơ chế tác dụng của thuốc trong một số triệu chứng, hội chứng thần kinh thường gặp. Những nội dung này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng giúp cho sinh viên tự học để học tập suốt đời.

2. MODULE HỆ NỘI TIẾT – SINH SẢN

Module này sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo, chức năng của hệ nội tiết, hệ sinh dục ở người bình thường; những kiến thức này giúp sinh viên giải thích được cơ chế hoạt động bình thường, một số biểu hiện bất thường thường gặp của hệ nội tiết, hệ sinh dục cùng mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Các kiến thức khi học module này cũng sẽ tạo nền tảng khoa học giúp sinh viên học các môn học trong các năm tiếp theo và quá trình tự học suốt đời.

3. THỰC HÀNH Y KHOA 3

Module thực hành y khoa 3 (POM 3: *Practice of Medicine*) được học sau POM 1, POM 2 và có mối liên hệ chặt chẽ với học phần thực hành lâm sàng năm 4,5,6. Các chủ đề sinh viên được học bao gồm: Tư vấn cho người bệnh; kỹ năng thăm khám một số bệnh Nội tiết- Chuyển hóa, sinh sản, hệ thần kinh và một số thủ thuật y khoa cơ bản; có lòng ghép tính chuyên nghiệp, kỹ năng tự học tập suốt đời. Sinh viên được học theo phương pháp tích cực, học theo bảng kiểm học tập. Có 7 bài thực hành dạy tại Skilllabs được đánh giá theo bảng kiểm. Sinh viên thực tập tại Trung tâm y tế huyện 5 buổi, được đánh giá theo bảng chỉ tiêu lâm sàng, thi OSCE kết thúc Module.

4. NỘI CƠ SỞ

Học phần nội cơ sở thuộc học phần y học lâm sàng, gồm 4 đơn vị học trình, nhằm đào tạo cho sinh viên y3 tiếp tục nâng cao năng lực sau khi đã hoàn thành chuẩn đầu ra của Modul y học cơ sở và POM1, POM 2, POM3, đồng thời tạo nền tảng để sinh viên học tiếp học phần nội bệnh lý và các môn học lâm sàng khác, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra số: 2, 4, 7, 8, 11, 15, 17, 19, 22, 23, 24, 25 của chương trình đào tạo BSDK (Theo QĐ số 264/QĐ – ĐHYD, 28/2/2020). Nội dung học phần nội cơ sở gồm 15 chủ đề là các triệu chứng hay hội chứng nội khoa thường gặp. Sinh viên được học trong 10 tuần, thực hành tại các khoa nội. Sinh viên cần học kiến thức bằng cách tự đọc giáo trình nội cơ sở và tham gia học trên giảng đường/ học trực tuyến ít nhất 80% số tiết và đảm bảo 100% bài thực hành theo chương trình.

Kết quả học tập của sinh viên được lượng giá kiến thức bằng phương pháp trắc nghiệm với bộ câu hỏi MCQ và lượng giá thực hành bằng công cụ MINI-CIEX.

5. NGOẠI CƠ SỞ

Kết thúc học phần Ngoại cơ, sinh viên có khả năng tiếp cận bệnh nhân, khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng ngoại khoa thường gặp.

Áp dụng kiến thức được học chỉ định và giải thích được kết quả một số xét nghiệm cận lâm sàng của một số hội chứng ngoại khoa thường gặp. Giao tiếp với gia đình bệnh nhân và cộng: Hình thành tính chuyên nghiệp trong thực hành lâm sàng ngoại khoa

Áp dụng được các kiến thức đã học ở các năm tiền lâm sàng để làm việc với mỗi bệnh nhân nội trú và ngoại trú để hình thành kinh nghiệm lâm sàng ngoại khoa của bản thân.

6. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Học phần chẩn đoán hình ảnh giúp sinh viên hiểu được các ưu, nhược điểm của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán các bệnh lý, từ đó lựa chọn phương pháp chẩn đoán hình ảnh phù hợp trong chỉ định thăm khám hình ảnh ở các cơ quan. Học phần còn trang bị kiến thức, kỹ năng giúp sinh viên có thể phát hiện, phân tích được các hình ảnh xquang, siêu âm một số bệnh lý thường gặp hỗ trợ trong chẩn đoán các bệnh lý ở các cơ quan.

Với số tín chỉ 2(1/1) là phù hợp để sinh viên có thể đáp ứng được các mục tiêu của học phần. Để đáp ứng được mục tiêu của học phần, sinh viên cần học một số học phần tiên quyết như (Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Lý sinh y học), đồng thời song hành

với các học phần Nội, Ngoại bệnh lý để sinh viên có thể liên hệ được một số hình ảnh với các bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

7. GÂY MÊ HỒI SỨC

Học phần gây mê hồi sức tạo ra môi trường để sinh viên bắt đầu có những hiểu biết cơ bản về các phương pháp vô cảm trong phẫu thuật, giảm đau sau mổ.

Học phần gây mê hồi sức 2t ín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, được dạy trong học kỳ 2 năm Y3. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra (2, 5, 7, 8, 11, 14, 17, 20, 21, 22, 26) thuộc chương trình đào tạo ngành Y khoa.

Học phần bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Học phần cung cấp những kiến thức về các phương pháp vô cảm, phương pháp giảm đau sau mổ trên lâm sàng. Cập nhật kiến thức đa dạng về gây mê hồi sức. Các phương pháp gây mê, gây tê, các phương pháp giảm đau sau mổ, các loại thuốc mê, thuốc tê, các loại dịch truyền sử dụng trong gây mê hồi sức và các tai biến gây mê thuwofnf gặp, các giải pháp dự phòng nhiễm khuẩn bệnh viện.

Học phần gây mê hồi sức là khóa học 3 tuần, sinh viên đi học lâm sàng tại Khoa gây mê hồi sức với 15 phòng mổ khác nhau tại tầng 13, 14, và tầng 15 Khoa Gây mê hồi sức. Thời gian đi lâm sàng từ 7h sáng (mùa hè), 7h30 (mùa đông) đến 11h45 các ngày làm việc trong tuần. Mỗi tuần sinh viên sẽ tham gia 1 buổi trực từ 7h ngày hôm trước đến 7h ngày hôm sau. Ba buổi học lý thuyết tại trường hoặc Khoa gây mê hồi sức.

Học phần gây mê hồi sức diễn ra đồng thời cùng với học phần Y3 ngoại, nội cơ sở. Kỳ vọng sinh viên trong quá trình học thu được nhiều kiến thức gây mê hồi sức và vận dụng những kiến thức gây mê hồi sức trong thực hành nghề nghiệp sau này.

8. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học được giảng dạy vào năm thứ 3, môn học tiên quyết là toán xác suất thống kê, các môn học liên quan có thể song hành là Dịch tễ học, các môn học Y tế công cộng. Học phần bao gồm có 2 nội dung lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm 1 tín chỉ. Phần thực hành bao gồm 1 tín chỉ với 6 bài thực hành. Ở học phần này sinh viên sẽ được học các phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực y học dựa trên cơ sở các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học, đi sâu vào nghiên cứu mô tả. Sinh viên có cơ hội thực hành để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cụ thể gắn liền với nhu cầu nghiên cứu khoa học của sinh viên: xác định vấn đề nghiên cứu, hình thành câu hỏi và giả thiết nghiên cứu, viết mục tiêu nghiên cứu, tổng quan tài liệu, xây dựng phần đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các bảng dự kiến kết quả và kế hoạch nghiên cứu.

9. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Học phần sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp gồm có 2 tín chỉ trong đó 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Về nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các vấn đề sức khỏe và môi trường tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp; cùng với các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Học phần này cung cấp các kỹ năng đánh giá, xác định một số chỉ số trong môi trường sống, môi trường lao động để có những biện pháp bảo vệ sức khỏe con người nói chung và sức khỏe của người lao động nói riêng.

Đồng thời, học phần này giúp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về vai trò của Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người lao động. Từ đó có thể tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng một số vấn đề sức khỏe thường gặp liên quan đến môi trường sống, môi trường lao động. Xây dựng được ý thức học tập, nghiên cứu khoa học phát triển sự nghiệp của bản thân cũng như vai trò của cán bộ y tế.

10. TÍNH CHUYÊN NGHIỆP 2

Module Tính chuyên nghiệp 2 là một trong các module của tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa, thuộc chương trình y khoa đổi mới của Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên. Module này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc ứng dụng các nguyên tắc, kỹ thuật, phương pháp trong thực hành các kỹ năng mềm cơ bản cần thiết cho sinh viên y khoa như kỹ năng quản lý thời gian, thuyết trình, làm việc nhóm, ra quyết định, tư duy phân biện. Qua đó giúp sinh viên có kiến thức nhất định hỗ trợ cho việc chủ động, tích cực học tập suốt đời.

11. TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC NÂNG CAO SỨC KHỎE

Học phần truyền thông giáo dục sức khỏe được dạy/học vào kỳ một của năm thứ 3 trong cho đối tượng bác sỹ đa khoa. Học phần này bao gồm 2 tín chỉ: 1 lý thuyết và 1 thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi và truyền thông giáo dục sức khỏe. Về kỹ năng sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để lập bản kế hoạch truyền thông và thực hành một số phương pháp truyền thông như nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm, tư vấn tại hộ gia đình, tư vấn tại trạm. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết cho một bác sỹ tương lai, sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế vị trí việc làm sau này của người CBYT. Học phần này góp phần xây dựng các năng lực cần thiết của Bác sỹ Đa khoa theo yêu cầu của Bộ Y tế.

12. NGOẠI NGỮ 4

Học phần Ngoại ngữ 4 gồm có 4 bài, cung cấp các thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ nội tiết, hệ sinh sản nữ, hệ sinh sản nam, và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có TO, thì quá khứ hoàn thành. Thông qua các bài học và các tình huống giao tiếp cụ thể trong học phần, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

13. NGOẠI NGỮ 5

Học phần Ngoại ngữ 5 cung cấp các từ vựng chuyên ngành Y thông qua việc nghiên cứu các tình huống khám chữa bệnh thực tiễn như Taking a History (Làm bệnh án), Examination and Investigation (Thăm khám và xét nghiệm), Diagnosis and Treatment (Chẩn đoán và điều trị), Administering medication (sử dụng thuốc), đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như thể bị động của thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu dùng chỉ dẫn cho bệnh nhân các tư thế khám bệnh, hướng dẫn, giải thích và trấn an bệnh nhân, đưa ra chẩn đoán và điều trị, và giải thích cho bệnh nhân cách sử dụng thuốc. Thông qua các bài học và các tình huống khám chữa bệnh quen thuộc hàng ngày, sinh viên được thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mang tính thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp.

14. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MAC-LÊNIN

Nội dung học phần gồm 6 chương, trong đó chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mac-Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mac-Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN NĂM 4

1. NỘI BỆNH LÝ 1

Học phần nội bệnh lý 1 được dạy vào năm 4 sau khi sinh viên hoàn thành các môn nội cơ sở, gồm 4 tín chỉ đáp ứng các chuẩn đầu ra của chương trình BSDK 2,3,5,7,8,9,10,11,13,14,15,16. Là học phần y học lâm sàng giúp sinh viên hình thành năng lực thực hành như chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh, và tư vấn người bệnh. Đồng thời nâng cao mức độ thành thạo các kỹ năng đã học ở năm 3 như kỹ năng giao tiếp, khai thác bệnh sử, tiền sử, khám bệnh... nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Học phần nội bệnh lý 1 tập trung vào một số bệnh nội khoa thường gặp và cấp cứu ban đầu. Để hoàn thành học phần có kết quả tốt, sinh viên cần tài liệu học tập như: Giáo trình bệnh học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập lâm sàng, lịch học.

2. NGOẠI BỆNH LÝ 1

Học phần Ngoại bệnh lý 1 tạo ra môi trường để sinh viên bắt đầu phát triển thành người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết cơ bản về các vấn đề sức khỏe thường gặp thuộc chuyên ngành ngoại và làm việc một cách chuyên nghiệp.

Học phần Ngoại bệnh lý 1 gồm 4 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, được dạy trong học kỳ I năm Y4. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra (1 - 16) thuộc chương trình đào tạo ngành Y khoa.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức bệnh học cơ bản về một số cấp cứu và bệnh lý thường gặp vùng bụng và hậu môn, bỏng và chấn thương cơ quan vận động, đồng thời thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng để lập luận chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định các vấn đề sức khỏe đó. Sinh viên được thực hành một số thủ thuật ngoại khoa cơ bản, phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với bạn cùng học, nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh trên cơ sở tôn trọng quyền cá nhân, an toàn người bệnh và lấy người bệnh làm trung tâm.

Sinh viên học Ngoại bệnh lý 1 cùng với học phần Tiếng Anh. Ngoại bệnh lý 1 là học phần tiên quyết để sinh viên học Ngoại bệnh lý 2 và các học phần chuyên khoa hệ ngoại.

Vòng Ngoại bệnh lý 1 là khoá học 8 tuần, sinh viên đi lần lượt hai khoa là Ngoại Tiêu hoá, Ngoại Chấn thương chính hình của Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên và Bệnh viện A Thái Nguyên.

Thời gian đi lâm sàng sẽ từ 7h sáng (mùa hè)/7h30 (mùa đông) đến 17h các ngày làm việc trong tuần. Mỗi tuần sinh viên sẽ tham gia 1 buổi trực từ 19h ngày hôm

trước đến 7h ngày hôm sau, học 1 buổi chiều tại phòng khám ngoại trú của khoa Ngoại, hai buổi học ca lâm sàng lý thuyết tại Bệnh viện, một buổi học tiếng Anh tại trường. Trong học phần, sinh viên học hai buổi chiều tại trung tâm HLKN hai nhóm kỹ thuật ngoại khoa cơ bản (1) Khâu vết thương phần mềm, bó bột, tháo bột, thay băng bông; (2) Thay băng, cắt chỉ, chăm sóc dẫn lưu, chăm sóc hậu môn nhân tạo và khám hậu môn trực tràng).

3. SẢN PHỤ KHOA 1

Học phần sản phụ khoa 1 sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về sản cơ sở, sản thường, sản khó. Từ những kiến thức này giúp sinh viên giải thích sinh lý trong quá trình mang thai, chuyển dạ và thời kỳ hậu sản, từ đó nhận diện được các bệnh lý của bà mẹ và thai nhi liên quan đến quá trình thai nghén và sinh đẻ. Các kiến thức khi học học phần này giúp sinh viên bắt đầu phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.

Học phần này có 04 tín chỉ, được dạy/học ở học kì 7 năm thứ 4 trong CTĐT, HP này nhằm đáp ứng CDR (2) Giải thích đúng cơ chế các triệu chứng, hội chứng, nguyên tắc điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp, (5) Chẩn đoán, điều trị, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp, (6) Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường; các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh; những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời, (7) Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm; kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị và tiên lượng các bệnh thường gặp, (9) Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng; Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên, (10) Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng, (15) Chủ động học tập để hoàn thiện năng lực bản thân và học tập suốt đời.

- HP tiên quyết của học phần này là Các môn học cơ sở, POM 222, POM 223, Nội khoa 1, Ngoại khoa 1

- Sinh viên phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, học lý thuyết tại giảng đường hoặc online, 3-4 buổi/tuần; học lâm sàng ở Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên, Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên từ 7 giờ đến 11 giờ, tham gia trực bệnh viện 1 buổi/tuần từ 19 giờ ngày hôm trước đến 7 giờ ngày hôm sau.

4. NHI KHOA 1

Học phần Nhi khoa 1 gồm 4 tín chỉ: 2 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành được dạy ở học kỳ I năm thứ 4 trong thời gian 8 tuần. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4,5,7,8,11,17,21 và 23 thuộc chương trình đào tạo. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần nội cơ sở và ngoại cơ sở. Đây là học phần tiên quyết, sinh viên có thể học song hành với các học phần Nội khoa 2, Ngoại khoa 2, Sản khoa 1. Sinh viên sẽ được học lý thuyết các bài Nhi cơ sở, được tiếp cận với một số bài bệnh học về nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy, bệnh lý dinh dưỡng, hội chứng xuất huyết, hội chứng thiếu máu, sử dụng thuốc trong nhi khoa. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện A và bệnh viện Gang thép, học các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6. Sinh viên được hướng dẫn cách hỏi

bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn lập luận chẩn đoán tiềm năng và chẩn đoán phân biệt một số bệnh về hô hấp, tiêu hóa, dinh dưỡng, thiếu máu và xuất huyết thường gặp. Sinh viên được hướng dẫn một số thủ thuật cơ bản trong nhi khoa. Sinh viên tham gia trực tối thiểu 1 tuần / buổi. Trục từ 19h hôm trước đến 7h sáng hôm sau, (thứ 7 và chủ nhật trực 2 tua, tua ngày trực từ 7h đến 19h). Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhi và người nhà bệnh nhi tại khoa dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.

5. NGOẠI NGỮ 6

Học phần này gồm có 4 bài: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa và Nhi khoa, được xây dựng lồng ghép với các module lâm sàng để cung cấp cho sinh viên từ vựng và các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến Nội khoa như nội tim mạch, nội hô hấp, nội tiêu hóa, Ngoại khoa như ngoại thận, tiết niệu, ngoại tiêu hóa, .., Sản phụ khoa và Nhi khoa. Trong học phần này, sinh viên được học các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về câu điều kiện loại 2, cách dùng so, such, too, enough và các cấu trúc so ... that, such ... that, enough ... to, cách nói trực tiếp gián tiếp với câu trần thuật, câu hỏi, yêu cầu và khuyên nhủ để vận dụng trong các kỹ năng tiếng Anh như nghe, nói, đọc, viết trong thực hành nghề nghiệp.

6. NGOẠI NGỮ 7

Học phần này gồm có 4 bài học được giảng dạy ở học kỳ 2 năm thứ 4 chương trình đào tạo y khoa. Học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp cơ bản, diễn đạt trong so sánh, cách sử dụng động từ “wish”, mệnh đề quan hệ gián tiếp và các thuật ngữ trong chuyên ngành về một số lĩnh vực trong y học như tâm thần học, ung thư học, bệnh nhiệt đới và các giác quan đặc biệt để hỗ trợ sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các bối cảnh y khoa.

6. THẦN KINH

Học phần Thần kinh là một trong các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ đa khoa. Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được giảng dạy trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sĩ đa khoa, nội dung nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CĐR): CĐR2, CĐR4, CĐR6, CĐR7, CĐR11, CĐR17, CĐR21, CĐR22 của CTĐT bác sĩ đa khoa

Học phần Thần kinh có liên hệ với các học phần cơ sở ngành (sinh lý học, giải phẫu..), và các học phần lâm sàng (nội, ngoại cơ sở).

Sinh viên cần phải học các học phần cơ sở ngành, huấn luyện kỹ năng y khoa, các học phần nội, ngoại, sản, nhi cơ sở trước khi học phần Thần kinh. Nội dung học phần Thần kinh bao gồm 2 phần lý thuyết và thực hành:

* Phần lý thuyết: sinh viên được trang bị các kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số hội chứng và bệnh lý thần kinh thường gặp. Phần lý thuyết sinh viên được học tập trung tại giảng đường 3-4 buổi/tuần trong 2 tuần đầu của học phần, sinh viên cần đọc trước các bài lý thuyết, chuẩn bị bài thảo luận, làm bài Pretest trước mỗi buổi học.

* Phần thực hành: sinh viên được học thực hành tại khoa Thần kinh và Trung tâm đột quy, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên vào các ngày trong tuần từ thứ hai

đến thứ sáu. Sinh viên sẽ được học kỹ năng khám xác định các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, thực hành chẩn đoán, xử trí một số tình trạng cấp cứu và bệnh lý thần kinh thường gặp trên các bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa. Trong thời gian học tập tại khoa, mỗi sinh viên sẽ phải tham gia trực 1 buổi/ tuần, trong các buổi trực sinh viên tiếp tục thực hành các kỹ năng thăm khám, theo dõi, xử trí các bệnh nhân hình thành kinh nghiệm lâm sàng cho bản thân. Sinh viên sẽ phải phối hợp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và nhân viên y tế của khoa để hoàn thành tốt nhiệm vụ này.

7. TÍNH CHUYÊN NGHIỆP 3

Học phần tính chuyên nghiệp 3 có 1 tín chỉ, được học vào năm thứ 4. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các yếu tố kinh tế, văn hóa xã hội cũng như các phong tục tập quán ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật theo từng vùng miền. Từ đó giúp các bác sỹ đa khoa tương lai có thể hiểu được và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, làm việc và xử trí các tình huống trong chăm sóc sức khỏe với người dân có các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội khác nhau, đến từ các vùng miền khác nhau được phù hợp. Qua đó giúp người cán bộ y tế thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân được chủ động và hiệu quả hơn. Nội dung học phần tính chuyên nghiệp 3 đáp ứng được các tiêu chuẩn 1, 4, 7 trong chuẩn năng lực chuẩn năng lực 1 - Hành nghề phù hợp với bối cảnh văn hóa xã hội và điều kiện thực tế của người bác sỹ đa khoa.

Học phần gồm có 1 tín chỉ lý thuyết với 4 bài sau:

Bài 1. Đặc điểm tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội Việt Nam

Bài 2. Ảnh hưởng của kinh tế, văn hóa, xã hội với sức khỏe và bệnh tật

Bài 3. Một số phong tục tập quán liên quan đến sức khỏe theo vùng miền

Bài 4. Thực trạng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế cho người dân tộc thiểu số, khó khăn và giải pháp

Giảng dạy học phần này bộ môn chủ yếu sử dụng phương pháp nêu vấn đề và dạy theo tình huống để giúp cho sinh viên gắn kết việc học lý thuyết vào với thực tế nhiều hơn, giúp sinh viên nâng cao khả năng tự học và học suốt đời.

8. SỨC KHỎE TÂM THẦN

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triệu chứng học tâm thần, các bệnh tâm thần thường gặp, cấp cứu trong tâm thần. Học phần gồm 02 tín chỉ (01 lý thuyết/01 thực hành), được dạy/học ở học kỳ 8 hoặc 9 trong chương trình đào tạo, Học phần này nhằm đáp ứng CĐR số [2,5,7,8,9,14,15,18,19,20,22,24] thuộc CTĐT Bác sỹ Y khoa. Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh, sinh hóa, nội khoa cơ sở, thần kinh, Nội bệnh lý, và các học phần chuyên khoa khác. Trước khi học học phần Sức khỏe tâm thần sinh viên cần có các kiến thức về giải phẫu, sinh lý thần kinh, Nội khoa cơ sở, Tâm lý y đức.

Học phần bao gồm các bài giảng về các triệu chứng, hội chứng tâm thần thường gặp; một số bệnh tâm thần thường gặp trong cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm: Triệu chứng học tâm thần; Các biểu hiện lâm sàng, hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu, tư vấn một số bệnh tâm thần thường gặp; Các biểu hiện lâm sàng, xử trí ban đầu, tư vấn các cấp cứu tâm thần.

Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về giao tiếp với bệnh nhân tâm thần và người nhà bệnh nhân; kỹ năng khám phát hiện các biểu hiện rối loạn tâm thần; Kỹ năng đưa ra hướng chẩn đoán, xử trí một số bệnh tâm thần thường gặp và cấp cứu tâm thần; Kỹ năng nhận biết các trường hợp cần chuyển khoa, chuyển tuyến; Kỹ năng tư vấn cho bệnh nhân tâm thần và gia đình trong theo dõi, dự phòng một số bệnh tâm thần thường gặp. .

Những nhiệm vụ chính sinh viên phải hoàn thành khi tham gia học phần: SV phải đọc bài trước ở nhà cho mỗi buổi giảng lý thuyết; học lý thuyết tại GD BM Tâm thần đặt tại khoa Tâm thần- BV ĐKTU Thái nguyên vào 4 buổi do 4 cán bộ của BM giảng dạy vào 2 tuần đầu tiên trong 3 tuần tham gia học tập học phần; học lâm sàng tại 2 địa điểm: Khoa Tâm thần- BVĐKTU Thái Nguyên, Bệnh viện Tâm thần Thái nguyên. Thời gian học thực hành vào buổi sáng từ 7h-10h30 (giờ mùa hè) và từ 7h30-11h (giờ mùa đông).

9. Y HỌC CỔ TRUYỀN

Học phần Y học cổ truyền là một trong các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ đa khoa. Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được dạy trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sĩ đa khoa, nội dung nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT: CĐR2; CĐR4; CĐR6; CĐR11; CĐR16; CĐR17; CĐR20; CĐR21; CĐR22; CĐR23; CDDR24; CDDR25. Học phần Y học cổ truyền có liên hệ với các học phần cơ sở ngành (sinh lý học, giải phẫu..), và các học phần lâm sàng (nội, ngoại, sản, nhi cơ sở). Sinh viên cần phải học các học phần khoa học cơ bản, cơ sở ngành, các học phần nội, ngoại, sản, nhi cơ sở trước khi học phần Y học cổ truyền.

10. DỊCH TỄ

Học phần dịch tễ học được giảng dạy vào năm thứ 4, bao gồm có 2 nội dung lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm 1 tín chỉ được bao gồm các nội dung về dịch tễ học hiện đại và dịch tễ học các bệnh lây, không lây. Phần thực hành bao gồm 1 tín chỉ được chia thành 6 bài thực hành. Trong học phần này học sinh sẽ được học khái niệm về dịch tễ học, cách đề cập dịch tễ học, dịch tễ học các bệnh lây và không lây nhiễm, các nguyên lý và biện pháp dự phòng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành các xây dựng kế hoạch giám sát, tính toán một số số đo mắc bệnh, tử vong, chỉ số đánh giá chất lượng xét nghiệm, lập kế hoạch tiêm chủng và điều tra xử lý dịch bệnh truyền nhiễm.

11. DA LIỄU

Học phần Da liễu tạo ra môi trường để sinh viên học tập, rèn luyện, phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết và làm việc với bệnh nhân có bệnh lý Da liễu.

Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), nằm trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sĩ đa khoa. HP này nhằm đáp ứng các CĐR của CTĐT:

Đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu về CĐR đối với sinh viên năm thứ 5: Đáp ứng được cả 3 kỹ năng theo chuẩn đầu ra gồm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể như sau:

+ CĐR về kiến thức: đáp ứng được CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6

+ CĐR về kỹ năng: đáp ứng được CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16

+ CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm: đáp ứng được CĐR 17, 18

Có HP tiên quyết hay không, là: Các học phần Khoa học cơ bản; Cơ sở ngành; Nội, Ngoại Sản, Nhi cơ sở, Module Da- Cơ- Xương- Khớp.

Thông qua HP này, sinh viên sẽ được học về cách khám nhận định tổn thương cơ bản ngoài da, phát hiện các triệu chứng, thuộc chuyên ngành Da liễu, chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý Da liễu thường gặp và một số tình trạng cấp cứu trong lâm sàng Da liễu. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần:

Học 15 tiết lý thuyết: Tuần 1 học 10 tiết; tuần 2 học 5 tiết, tại GD trường hoặc GD của bộ môn bên Bệnh viện TỰTN.

Học thực hành tại Khoa Da liễu bệnh viện trung ương Thái Nguyên: 5 buổi/ 1 tuần (Tuần 1: sinh viên làm quen với khoa phòng và buồng bệnh, học các bài khám phát hiện triệu chứng; Tuần 2: sinh viên học các bài bệnh học thực hành theo hình thức khám và nhận định triệu chứng dưới buồng bệnh, thảo luận lại ca bệnh tại GD; Tuần 3: Đi buồng tổng hợp lại nội dung lâm sàng và lượng giá thực hành).

12. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đây là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh, từ nguồn gốc hình thành đến những vấn đề cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt giúp cho người học thấy được ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Ngoài phần mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương. Chương I: Khái quát quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương II, III, IV, V, VI làm rõ những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh như vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc, đạo đức cách mạng, về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về văn hóa, đạo đức...

MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN NĂM 5

1. TRUYỀN NHIỄM

Học phần Truyền nhiễm tạo ra môi trường thuận lợi để sinh viên học tập, rèn luyện, phát triển thành một người bác sĩ vừa hồng, vừa chuyên, có hiểu biết và có khả năng làm việc với bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm.

Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (2LT/2TH), nằm trong học kỳ 8 của CTĐT Bác sĩ đa khoa. Học phần này nhằm đáp ứng các CĐR của CTĐT:

Đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu về CĐR đối với sinh viên năm thứ 5: Đáp ứng được cả 3 kỹ năng theo chuẩn đầu ra gồm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể như sau:

+ CĐR về kiến thức: đáp ứng được CĐR 1, 2, 3, 4

+ CĐR về kỹ năng: đáp ứng được CĐR 5, 6, 7, 8, 9, 10

+ CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm: đáp ứng được CĐR 11, 12

Có học phần tiên quyết bao gồm: Các học phần Khoa học cơ bản; Cơ sở ngành; Nội, Ngoại Sản, Nhi cơ sở, Vi sinh, Dịch tễ học.

Học qua học phần truyền nhiễm sinh viên sẽ được thực tập, phát hiện các triệu chứng, hội chứng thuộc chuyên ngành truyền nhiễm, chẩn đoán và xử trí được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp và một số tình trạng cấp cứu trên lâm sàng trong lĩnh vực truyền nhiễm. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần:

Học 15 tiết lý thuyết: Tuần 1 học 6 tiết; tuần 2 học 6 tiết, tuần 3 học 3 tiết tại giảng đường của Trường Đại học Y Dược hoặc giảng đường của bộ môn truyền nhiễm tại khoa Bệnh Nhiệt đới Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Học thực hành tại Khoa Bệnh Nhiệt đới Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên: 5 buổi/ 1 tuần (Tuần 1: sinh viên làm quen với khoa phòng và buồng bệnh, thảo luận một số ca bệnh lâm sàng, đi buồng phát hiện triệu chứng, giao ban sau mỗi buổi trực; Tuần 2: sinh viên tiếp tục thảo luận các ca bệnh, đi buồng, bình bệnh án, giao ban sau các buổi trực; Tuần 3: Sinh viên tiếp tục được thảo luận các ca bệnh, đi buồng, giao ban sau các buổi trực và lượng giá thực hành).

Trực tại khoa Bệnh Nhiệt đới bệnh của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên: mỗi SV trực 1 buổi/ 1 tuần, trực từ 19h hôm trước đến 07h hôm sau ngày các ngày trong tuần; riêng ngày thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc các ngày nghỉ lễ (trừ nghỉ Tết Nguyên đán) sinh viên trực sẽ chia làm 2 ca: ca 1 từ 7h đến 19h, ca 2 từ 19h hôm trước đến 7h hôm sau. Công việc chính của SV trong buổi trực: Quan sát BS khám bệnh nhân vào viện, khám bệnh nhân vào viện và hoàn thành bệnh án dưới sự giám sát của bác sĩ trực; Khám bệnh nhân trong khoa phòng để thực hành khám và thực hiện chỉ tiêu lâm sàng. Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân trong khoa phòng; hỗ trợ đưa bệnh nhân đi khám chuyên khoa hoặc làm các xét nghiệm như chụp Xquang, điện tim, siêu âm... đưa bệnh phẩm lên khoa xét nghiệm theo sự hướng dẫn của bác sĩ hoặc điều dưỡng trực; viết giao ban khoa, viết giao ban sinh viên

2. MẮT

Học phần Nhãn khoa là một trong các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo (CTĐT) bác sĩ đa khoa. Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1LT/1TH), được dạy trong năm thứ 5 của CTĐT Bác sĩ đa khoa, nội dung nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra (CDR): CDR2, CDR4, CDR6, CDR7, CDR11, CDR17, CDR21, CDR22 của CTĐT bác sĩ đa khoa.

Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như: Nội khoa, Ngoại khoa, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, da liễu, lao, thần kinh, giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh,...

Sinh viên cần phải học các học phần cơ sở ngành, huấn luyện kỹ năng y khoa, các học phần nội, ngoại, sản, nhi cơ sở trước khi học phần Thần kinh. Nội dung học phần Thần kinh bao gồm 2 phần lý thuyết và thực hành:

* Phần lý thuyết: sinh viên được trang bị các kiến thức về triệu chứng, lập luận chẩn đoán, xử trí một bệnh lý nhãn khoa thường gặp. Phần lý thuyết này sinh viên sẽ được học tập trung tại giảng đường 3-4 buổi/tuần trong 2 tuần đầu của học phần, sinh viên cần đọc trước các bài lý thuyết, chuẩn bị bài thảo luận, làm bài Pretest trước mỗi buổi học.

* Phần thực hành: Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt. Bao gồm cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu,

cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn với bệnh nhân và người nhà cách phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp.

3. RĂNG HÀM MẶT

Học phần Răng Hàm Mặt giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng lâm sàng thuộc khối chuyên khoa.

Học phần Răng Hàm Mặt gồm 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ lâm sàng), được dạy/học ở học kì 10 trong CTĐT. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 18, 19, 20, 21 của chương trình đào tạo. Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như: Nội khoa, Ngoại khoa, Giải phẫu, Sinh lý Mắt, Tai mũi họng, Da liễu, Thần kinh,...

Học phần Răng Hàm Mặt có học phần tiên quyết là các học phần giáo dục đại cương, các học phần y cơ sở.

Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về: Răng và bộ răng, bệnh sâu răng, bệnh lý tủy và vùng quanh cuống răng, bệnh vùng quanh răng, viêm nhiễm răng miệng- hàm mặt, khe hở môi - vòm miệng, khối u vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, mối liên quan giữa răng miệng và sức khỏe toàn thân, chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu. Đồng thời sinh viên còn được hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám, phát hiện, ra chỉ định xử trí và tư vấn phòng các bệnh răng hàm mặt thường gặp.

Những nhiệm vụ chính sinh viên phải hoàn thành khi tham gia học phần: SV phải đọc bài trước ở nhà cho mỗi buổi giảng lý thuyết; học lý thuyết tại GD Khoa RHM theo lịch của phong đào tạo; học lâm sàng tại 3 địa điểm: Khoa RHM và PK RHM – BV Trung ương Thái Nguyên, Khoa RHM – BV Trường ĐH Y khoa, thời gian học lâm sàng vào các buổi sáng theo giờ quy định của nhà trường.

4. TAI MŨI HỌNG

Học phần Tai mũi họng giúp sinh viên bắt đầu phát triển kỹ năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng tai mũi họng thường gặp. Học phần gồm 2 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ lâm sàng), được dạy ở học kỳ II trong năm thứ 4 hoặc học kỳ I năm thứ 5 của chương trình Bác sỹ đa khoa hệ chính quy 6 năm. Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Răng hàm mặt, Mắt, Da liễu, Lao, Thần kinh, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh.... Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh lý và cấp cứu tai mũi họng thường gặp trong cộng đồng. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa tai mũi họng bao gồm: cách khám tai mũi họng thông thường; các thủ thuật điều trị ngoại trú; cách điều trị, xử trí cấp cứu; cách chăm sóc tai mũi họng và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh tai mũi họng thường gặp. Sinh viên sẽ được học lý thuyết 3 buổi/ tuần trong 2 tuần đầu tiên tại giảng đường bộ môn và thảo luận 3 tiết trong tuần thứ 2. Sinh viên học lâm sàng 5 buổi/ tuần thời gian học thực hành vào buổi sáng từ 7h-11h (giờ mùa hè) và từ 7h30-11h30 (giờ mùa đông), tại 3 địa điểm là Khoa Tai mũi họng – Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên, phòng khám Tai mũi họng – Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên và khoa Tai mũi họng – Bệnh viện trường Đại học Y khoa. Sinh viên tham gia trực ít nhất 1 buổi/1 tuần tại Khoa Tai mũi họng – Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên (mỗi buổi 12 tiếng).

5. UNG THƯ

Học phần Ung thư gồm 2 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, được dạy trong học kỳ II năm Y5. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2, 5, 7, 8, 21, 23 thuộc chương trình đào tạo ngành Y khoa. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần y học cơ sở, học qua môn Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý 1, Sản phụ khoa 1 và Nhi khoa 1. Đây là học phần tiên quyết, sinh viên có thể học song hành với các học phần các chuyên khoa. Sinh viên sẽ được học lý thuyết với nội dung là những kiến thức những kiến thức cơ bản về ung thư đại cương, được tiếp cận với một số bài bệnh học ung thư thường gặp như ung thư vú, ung thư phế quản phổi, ung thư vòm mũi họng. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực, mỗi tuần 3 buổi. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại Trung tâm Ung bướu- Bệnh viện TW Thái Nguyên. Học lâm sàng các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6 (5 buổi/ tuần). Sinh viên được hướng dẫn cách hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị một số bệnh ung thư thường gặp. Sinh viên được kiến tập một số thủ thuật cơ bản trong ung thư. Vào mỗi buổi sáng học lâm sàng, sinh viên sẽ tham gia đi buồng đội với các bác sĩ và nhân viên y tế tại khoa sinh viên thực tập, sau đó sinh viên sẽ được giao ban đầu giờ do các tua trực báo cáo. Mỗi tuần sinh viên sẽ có một buổi giảng dạy bên giường bệnh, một buổi thảo luận ca bệnh và một buổi bình bệnh án. Sinh viên có trách nhiệm đọc trước các bài theo lịch giảng của bộ môn và tham gia thường trực tối thiểu 1 buổi/tuần, từ 19 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng hôm sau vào các ngày thường và chia 2 ca vào các ngày nghỉ (07 giờ-19 giờ và 19 giờ đến 07 giờ ngày hôm sau). Sau mỗi buổi trực sinh viên phải chuẩn bị bệnh nhân báo cáo trong buổi giao ban hôm sau. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại trung tâm dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.

6. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Đây là học phần phục hồi chức năng, với 2 tín chỉ, bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành được dạy ở học kỳ 8 năm thứ 5. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra 2,4,6,7,14,15,19,24 thuộc chương trình đào tạo. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần tiên quyết bao gồm các học phần Cơ sở ngành; Nội, Ngoại Sản, Nhi cơ sở. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ được học về cách khám phát hiện các triệu chứng, hội chứng, chẩn đoán, ra chỉ định và thực hiện được một số kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản, đúng quy trình trong điều trị phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thường gặp. Để đạt được các mục tiêu học tập của học phần, sinh viên cần: Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường bộ môn với phương pháp giảng dạy tích cực, mỗi tuần 2 buổi. Học thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện trung ương Thái Nguyên và khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trường Đại học Y khoa: 5 buổi/ 1 tuần (Tuần 1: sinh viên nhập học, phân nhóm học, trực, thực hành và lấy chỉ tiêu, học các bài khám và lượng giá Phục hồi chức năng; Tuần 2: sinh viên học các bài bệnh học và thực hành theo hình thức khám và nhận định triệu chứng, thực hiện một số kỹ thuật Phục hồi chức năng tại các phòng điều trị và buồng bệnh, thảo luận lại ca bệnh tại GD; Tuần 3: Đi buồng tổng hợp lại

nội dung lâm sàng và lượng giá thực hành Trong thời gian học tập tại khoa, mỗi sinh viên sẽ phải tham gia trực 1 buổi tối/ tuần, trong các buổi trực sinh viên tiếp tục thực hành các kỹ năng thăm khám, theo dõi, xử trí các bệnh nhân hình thành kinh nghiệm lâm sàng cho bản thân. Sinh viên sẽ phải phối hợp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và nhân viên y tế của khoa để hoàn thành tốt nhiệm vụ này.

7. Y HỌC GIA ĐÌNH

Học phần Y học gia đình gồm 02 tín chỉ bao gồm 01 tín chỉ lý thuyết, 01 tín chỉ thực hành được dạy/học ở học kì 8 hoặc 9 trong chương trình đào tạo, Học phần này nhằm đáp ứng CDR số [2,,6,14,15,17,22,24] thuộc CTĐT Bác sĩ Y khoa. HP này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như tổ chức quản lý y tế, tâm lý y đức, nội khoa cơ sở, Nội bệnh lý, và các học phần chuyên khoa khác. Là môn học tiên quyết để sinh viên có thể tham gia học phần thực tập cộng đồng. Trước khi học học phần y học gia đình sinh viên cần có các kiến thức về tổ chức quản lý y tế, tâm lý y đức, Nội khoa cơ sở, nội khoa bệnh lý. Học phần bao gồm các bài giảng về Khái niệm và các nguyên lý Y học gia đình; Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình Vòng đời người và vòng đời gia đình. Quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng. Quản lý sức khỏe cá nhân và hộ gia đình tại cộng đồng. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về sử dụng các công cụ đánh giá gia đình; Cách quản lý các bệnh mạn tính tại cộng đồng (Tăng huyết áp, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, đái tháo đường, hen phế quản); Cách lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân gia đình tại cộng đồng.

Những nhiệm vụ chính sinh viên phải hoàn thành khi tham gia học phần: SV phải đọc bài trước ở nhà cho mỗi buổi giảng lý thuyết; học lý thuyết tại GD BM Y học gia đình vào 5 buổi do các cán bộ của BM giảng dạy vào 2 tuần đầu tiên trong 3 tuần tham gia học tập học phần; học lâm sàng tại 2 địa điểm: trạm y tế xã cổ Lũng và trạm y tế phường Tân Long. Thời gian học thực hành vào buổi sáng từ 7h-11h (giờ mùa hè) và từ 7h30-11h30 (giờ mùa đông).

8. KINH TẾ Y TẾ - BẢO HIỂM Y TẾ

Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế là học phần thuộc chương trình đào tạo y khoa đổi mới vào học kỳ IX, thuộc năm thứ 5. Học phần này cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên các nội dung liên quan đến KTYT và BHYT khi thực hành nghề nghiệp.

Phần kinh tế y tế giới thiệu các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và cung cấp dịch vụ y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong việc cung cấp dịch vụ y tế. Đồng thời hướng dẫn các phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật, định hướng phân tích chi phí – hiệu quả và ứng dụng của nó trong điều kiện nguồn lực luôn khan hiếm.

Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản liên quan đến Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm y tế hiện hành và làm một số bài tập vận dụng quy định bảo hiểm y tế khi thực hành nghề nghiệp.

9. NỘI BỆNH LÝ 2

Học phần Nội bệnh lý 2 sẽ giúp sinh viên nâng cao năng lực thực hành về chẩn đoán và điều trị một số cấp cứu và bệnh lý nội khoa thường gặp, nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm, tạo ra môi trường để sinh viên trở thành một người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết và làm việc chuyên nghiệp.

Học phần Nội bệnh lý 2 đề cập thêm một số chủ đề mang tính tổng hợp trong nội khoa, đòi hỏi sinh viên có khả năng phát huy năng lực đã hình thành từ các vòng bệnh học trước. Được dạy vào năm thứ 5, sau khi sinh viên hoàn thành các môn nội cơ sở, nội bệnh lý 1. Học phần gồm 2 tín chỉ đáp ứng các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bác sĩ ngành Y khoa (Bộ Y tế ban hành): 2,3,5,7,8,9,10,11,13,14,15 và chuẩn đầu ra của năm thứ 5 chương trình đào tạo BSĐK (Trường ĐHYDTN ban hành). Để hoàn thành học phần có kết quả tốt, đòi hỏi sinh viên phát huy sự tâm huyết với lâm sàng, phấn đấu hoàn thành mục tiêu học tập.

Để học tốt học phần này, mỗi sinh viên cần chuẩn bị tài liệu học tập: Giáo trình bệnh học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập lâm sàng, lịch học. Sinh viên cần đọc giáo trình trước mỗi buổi học lý thuyết, đọc các quy định học lâm sàng và quy định của cơ sở thực hành đối với sinh viên, đặc biệt cần ôn lại các kiến thức, kỹ năng đã học ở các năm tiền lâm sàng và lâm sàng trước.

10. NGOẠI BỆNH LÝ 2

Học phần Ngoại bệnh lý 2 tạo ra môi trường để sinh viên phát triển thành người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết cơ bản về các vấn đề sức khỏe thường gặp thuộc chuyên ngành Ngoại tiết niệu và làm việc chuyên nghiệp.

Học phần Ngoại bệnh lý 2 gồm 2 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, được dạy trong học kỳ II năm Y5. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra (2, 4, 5, 7, 16, 17, 21, 22, 26) thuộc chương trình đào tạo ngành Y khoa.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức bệnh học cơ bản về một số cấp cứu và bệnh lý của hệ tiết niệu, đồng thời sinh viên được thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng để lập luận chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định các vấn đề sức khỏe đó; đưa ra được các chỉ định cấp cứu và điều trị một số chấn thương và bệnh lý thường gặp của hệ tiết niệu, thực hành một số thủ thuật ngoại khoa cơ bản, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh trên cơ sở tôn trọng quyền cá nhân.

Sinh viên học Ngoại bệnh lý 2 cùng với học phần Nội bệnh lý 2, Nhi bệnh lý 2, Sản Phụ 2. Ngoại bệnh lý 2 là học phần liên tục để sinh viên học Ngoại bệnh lý 3 và các học phần chuyên khoa hệ ngoại.

11. SẢN PHỤ KHOA 2

Học phần sản phụ khoa 2 sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về chảy máu sản khoa 3 tháng đầu, 3 tháng cuối và thai nghén nguy cơ cao. Từ những kiến thức này giúp sinh viên nhận diện được các bệnh lý của bà mẹ và thai nhi liên quan đến quá trình thai nghén và sinh đẻ. Các kiến thức khi học học phần này giúp sinh viên bắt đầu phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.

Học phần này có 03 tín chỉ, được dạy/học ở học kì 10 năm thứ 5 trong CTĐT, HP này nhằm đáp ứng CDR (2) Giải thích đúng cơ chế các triệu chứng, hội chứng, nguyên tắc điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp,(5) Chẩn đoán, điều trị, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp,(6) Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường; các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh; những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời,(7) Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm; kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị và tiên

lượng các bệnh thường gặp, (9) Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng; Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên, (10) Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng, (15) Chủ động học tập để hoàn thiện năng lực bản thân và học tập suốt đời.

- HP tiên quyết của học phần này là học phần sản phụ khoa 1.

- Sinh viên phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, học lý thuyết tại giảng đường hoặc online, 3-4 buổi/tuần; học lâm sàng ở khoa Sản Bệnh viện A và Trung tâm sản khoa bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên từ 7 giờ đến 11 giờ, tham gia trực bệnh viện 1 buổi/tuần từ 19 giờ đến 7 giờ hôm sau.

12. NHI KHOA 2

Đây là học phần Nhi khoa 2, với 3 tín chỉ, bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành được dạy ở học kỳ 10 năm thứ 5. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần Nhi khoa 1. Đây là học phần tiên quyết, sinh viên có thể học song hành với các học phần Nội khoa 2, Ngoại khoa 2, Sản khoa 2. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực, mỗi tuần 2 buổi. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại các bệnh viện thực hành là Bệnh viện A, học các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6 (5 buổi / tuần). Vào mỗi buổi sáng học lâm sàng, sinh viên sẽ tham gia đi buồng đội đầu giờ với các bác sĩ và nhân viên y tế tại khoa sinh viên thực tập, sau đó sinh viên sẽ được giao ban đầu giờ do các tua trực báo cáo. Mỗi tuần sinh viên sẽ có một buổi giảng dạy bên giường bệnh, một buổi thảo luận ca bệnh và một buổi bình bệnh án. Mỗi tuần sinh viên tham gia trực tối thiểu 1 tuần / buổi. Trực từ 19h hôm trước đến 7h sáng hôm sau. Sau mỗi buổi trực sinh viên phải chuẩn bị bệnh nhân báo cáo trong buổi giao ban hôm sau. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhi và người nhà bệnh nhi tại khoa dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.

13. THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG

Học phần Thực tập cộng đồng 1 bao gồm 2 tín chỉ thực hành đáp ứng chuẩn năng lực bác sĩ đa khoa của bộ y tế và chuẩn đầu ra bác sĩ đa khoa của nhà trường đối. Đây là học phần tạo ra những cơ hội cho sinh viên thực hành các kiến thức đã học từ năm thứ nhất đến năm thứ 5. Thời gian là 3 tuần, 2 ngày tập huấn tại trường, còn lại sẽ thực tập tại Trung tâm Y tế huyện/Bệnh viện huyện và tại Trạm Y tế xã. Các cán bộ y tế cơ sở (huyện, xã) sẽ tham gia hướng dẫn sinh viên. Giảng viên nhà trường sẽ hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên trong quá trình học tại thực địa. Sinh viên sẽ được học và rèn luyện một số kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết của người bác sĩ tương lai. Sinh viên sẽ được tìm hiểu thực trạng tổ chức, quản lý và các hoạt động của hệ thống y tế huyện, xã. Sinh viên cũng được thực hành chẩn đoán cộng đồng, xây dựng kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm các kỹ năng như: giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng, làm việc nhóm, tổ chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo. Thái độ tôn trọng cộng đồng, làm việc độc lập, ý thức tổ chức kỷ luật và khả năng tự học cũng là những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá sinh viên khi tham gia học phần này. Học phần đáp ứng tiêu chí 1, tiêu

chuẩn 6 thuộc lĩnh vực 2; tiêu chí 1, tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1, tiêu chuẩn 16 thuộc lĩnh vực 3; tiêu chí 4 thuộc lĩnh vực 4 của chuẩn năng lực bác sỹ đa khoa.

14. DƯỢC LÂM SÀNG

Học phần này cung cấp cho sinh viên năm thứ 3 ngành Y khoa những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn Dược lâm sàng. Chương trình lý thuyết bao gồm: cách tiếp cận với mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; các thông số dược động học cơ bản; tương tác thuốc; hiệu chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng gan thận, các phản ứng bất lợi của thuốc và cung cấp các thông tin về thuốc và cách sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt. Các nguyên tắc sử dụng một số thuốc thông thường, trên cơ sở đó giúp cho các bác sỹ kê đơn sử dụng thuốc đạt hiệu quả cao nhất trong điều trị.

Trong thực hành, sinh viên được hướng dẫn cách tính các thông số dược động học cơ bản như sinh khả dụng, thời gian bán thải, thể tích phân bố, hiệu chỉnh liều ở các đối tượng đặc biệt. Phân tích những tình huống liên quan đến sử dụng thuốc như: mục đích, liều lượng, thời gian dùng thuốc, tương tác thuốc trong điều trị và cách khắc phục.

15. LAO VÀ BỆNH PHỔI

Học phần Bệnh Lao với số lượng tín chỉ là 02(1/1), được giảng dạy cho sinh viên Y khoa vào kỳ học thứ II của năm thứ 4.

Học phần Bệnh Lao bao gồm các nội dung về chuyên ngành lao: Những nội dung cơ bản của đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các thể lao thường gặp trên lâm sàng, các thuốc điều trị lao thiết yếu và các phác đồ điều trị bệnh lao, các phương pháp phát hiện sớm và phòng bệnh lao trong cộng đồng. Học phần này cũng giới thiệu về một số xét nghiệm đặc hiệu, xét nghiệm hiện đại trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao: xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao, BACTEC – MGIT, PCR, Xpert MTB/RIF, chụp xquang phổi phát hiện các tổn thương lao, làm phản ứng mantoux, xét nghiệm máu. Trên cơ sở đó giúp cho sinh viên thu nhận được những kiến thức cần thiết về bệnh lao, nhận thức được mối liên quan giữa môn bệnh học lao với các môn học khác và ứng dụng trong quá trình công tác tại cộng đồng.

Học phần này nhằm đáp ứng các CĐR2,5,6,7,8,13,14,25,26,27,28,30,31.

16. Y PHÁP

Học phần y pháp cung cấp cho sinh viên khái niệm về môn học, mối quan hệ qua lại giữa y học và pháp luật. Bước đầu hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong khi hành nghề y. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về y pháp học: tử thi học, chấn thương, độc chất, sinh dục, tử vong do ngạt...

17. MỘT SỨC KHỎE

Một sức khỏe là những nỗ lực đa ngành ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế nhằm ứng phó với các thách thức quan trọng trong phòng chống dịch và mang lại sức khỏe tối ưu cho con người, vật nuôi, động vật hoang dã và môi trường. Một sức khỏe trở thành những cách tiếp cận quan trọng trong việc kiểm soát dịch bệnh, mang lại những cách tiếp cận mới trong lĩnh vực Y tế công cộng, thú y, sức khỏe môi trường và hơn thế nữa là huy động nguồn lực từ các những ngành/lĩnh vực liên quan trong phòng chống dịch bệnh.

Môn học gồm có 2 tín chỉ (1/1), được giảng dạy vào kỳ 1 năm thứ 5. Nội dung của môn học Một sức khỏe cung cấp các kiến thức cách tiếp cận và các năng lực cốt lõi về Một sức khỏe, kiểm soát các bệnh truyền lây từ động vật sang người, một số vấn đề môi trường liên quan đến sức khỏe...Nội dung môn học có liên quan tới học phần Dịch tễ học và SKMT SKNN. Ngoài học lý thuyết ra, sinh viên còn được thực hành các kỹ năng như các kỹ thuật đánh giá nhanh vấn đề sức khỏe tại cộng đồng và dựa vào cộng đồng, làm việc nhóm, giải quyết bệnh truyền lây, dịch bệnh dựa trên các tình huống.

Học phần đáp ứng chuẩn năng lực tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 1, và tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 19 của chuẩn năng lực bác sỹ đa khoa, giúp sinh viên phát huy khả năng tự học và học suốt đời.

18. NHÂN Y HỌC

Học phần Nhân học Y học gồm 2 tín chỉ là môn học tự chọn cho đối tượng bác sỹ đa khoa được học vào kì 2 năm thứ 3. Môn học này cung cấp cho học viên cách nhìn của nhân học y học đối với các vấn đề sức khỏe và vận dụng các phương pháp làm việc phù hợp để CSSK cho người dân đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Học phần có các bài tập trung vào nội dung như: Khái niệm nhân học y học, niềm tin và sức khỏe; các khía cạnh văn hóa xã hội của sức khỏe; một số phong tục tập quán liên quan đến sức khỏe và các tiếp cận CSSK của người DTTS và cách giao tiếp với người dân tộc thiểu số từ đó giúp người học có được kiến thức, kỹ năng giao tiếp để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người dân được hiệu quả hơn. Nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời của sinh viên.

Học phần đáp ứng tiêu chí 1 và tiêu chí 7 trong tiêu chuẩn 1 của chuẩn năng lực bác sỹ đa khoa.

MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN NĂM 6

1. NỘI BỆNH LÝ 3

Học phần Nội bệnh lý 3 sẽ giúp sinh viên nâng cao kiến thức để có năng lực thực hành tốt hơn về chẩn đoán, điều trị, xử trí một số cấp cứu và bệnh lý nội khoa thường gặp, nâng cao tính tích cực, chủ động và chuyên nghiệp, tạo ra môi trường để sinh viên trở thành một người bác sỹ tận tâm, có hiểu biết và làm việc chuyên nghiệp.

Học phần Nội bệnh lý 3 đề cập một số chủ đề mang tính tổng hợp trong nội khoa, đòi hỏi sinh viên có khả năng phát huy năng lực đã hình thành từ các vòng bệnh học trước. Được dạy vào năm thứ 6, sau khi sinh viên hoàn thành các môn nội cơ sở, nội bệnh lý 1 và 2. Học phần gồm 5 tín chỉ đáp ứng 25 chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bác sỹ ngành Y khoa (Bộ Y tế ban hành và 18 chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo BSDK năm thứ 6 (Trường ĐHYDTN ban hành). Để hoàn thành học phần có kết quả tốt, đòi hỏi sinh viên phát huy sự tâm huyết với lâm sàng, phấn đấu hoàn thành mục tiêu học tập.

Để học tốt học phần này, mỗi sinh viên cần chuẩn bị tài liệu học tập: Giáo trình bệnh học, tài liệu tham khảo, dụng cụ học tập lâm sàng, lịch học. Sinh viên cần đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước mỗi buổi học lý thuyết, đọc các quy định học lâm

sàng và quy định của cơ sở thực hành đối với sinh viên, đặc biệt cần ôn lại các kiến thức, kỹ năng đã học ở các năm tiền lâm sàng và lâm sàng trước.

2. NGOẠI BỆNH LÝ 3

Học phần, bao gồm những nội dung chính sau:

- Học phần ngoại bệnh lý tạo ra môi trường để sinh viên phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết và làm việc chuyên nghiệp.
- Học phần gồm 5 tín chỉ, được dạy/học ở học kỳ 1 năm thứ 6 nào trong CTĐT, HP này nhằm đáp ứng 13 CDR trong số 18 CDR năm học năm thứ 6 được ban hành năm 2019(Đã ban hành CDR 2020) HP này có mối liên quan chặt chẽ đến học phần ngoại khác, là sự mở rộng kiến thức về các bệnh lý và cấp cứu ngoại khoa thường gặp.
- HP này có học phần tiên quyết là học phần ngoại cơ sở (Y3)
- Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức, kỹ năng hỏi bệnh, khai thác triệu chứng, khám, lập luận chẩn đoán, phân tích logic chẩn đoán, thiết kế phác đồ điều trị và quản lý bệnh nhân, Phân tích bệnh lý trên từng bệnh cảnh dựa trên các bằng chứng y học hiện đại
- Sinh viên được lên lịch tuần vào chủ nhật của tuần trước đó, Sinh viên tự học, tự đọc và tìm các nghiên cứu, bằng chứng khoa học về bài giảng được thiết kế trên lịch học; Sinh viên học tập chung tại giảng đường, 3 buổi/ tuần
- Sinh viên học lâm sàng tại 3 khoa: khoa ngoại thần kinh sọ não (4 tuần) khoa ngoại tim mạch lồng ngực (2 tuần) khoa ngoại nhi (2 tuần). Mỗi tuần sinh viên học 5 buổi sáng từ 7h – 11h (mùa hè) và 7h30 – 11h30(mùa đông). Sinh viên trực ít nhất 1 buổi/tuần, thời gian trực là 24/24h

3. SẢN PHỤ KHOA 3

Học phần sản phụ khoa 3 sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về sản cơ sở, sản thường, sản khó, phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình, các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa. Từ những kiến thức này giúp sinh viên giải thích sinh lý trong quá trình mang thai, chuyển dạ và thời kỳ hậu sản, từ đó nhận diện được các bệnh lý của bà mẹ và thai nhi liên quan đến quá trình thai nghén và sinh đẻ. Các kiến thức khi học học phần này giúp sinh viên bắt đầu phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.

Học phần này có 05 tín chỉ, được dạy/học ở học kỳ 11 năm thứ 6 trong CTĐT, HP này nhằm đáp ứng CDR (2) Giải thích đúng cơ chế các triệu chứng, hội chứng, nguyên tắc điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp,(5) Chẩn đoán, điều trị, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp,(6) Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường; các tai biến và tình trạng bất lợi đe dọa đến tính mạng người bệnh; những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời,(7) Chỉ định và phân tích được kết quả một số xét nghiệm; kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị và tiên lượng các bệnh thường gặp, (9) Thu thập, quản lý và sử dụng được các thông tin liên quan đến chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng; Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên, (10) Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng, (15) Chủ động học tập để hoàn thiện năng lực bản thân và học tập suốt đời.

- HP tiên quyết của học phần này là học phần sản phụ khoa 2.

- Sinh viên phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, học lý thuyết tại giảng đường hoặc online, 3-4 buổi/tuần; học lâm sàng ở khoa Sản Bệnh viện trường Đại học Y Dược TN, Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên, bệnh viện A Thái Nguyên từ 7 giờ đến 11 giờ, tham gia trực 24h tại bệnh viện 1 buổi/tuần.

4. NHI KHOA 3

Học phần này gồm 5 tín chỉ bao gồm 2 tín chỉ lý thuyết, 3 tín chỉ thực hành, được dạy/học ở học kì I năm 6 trong CTĐT. HP này nhằm đáp ứng CĐR 2, CĐR 4, CĐR 5, CĐR 7, CĐR 8, CĐR 11, CĐR 12, CĐR 17, CĐR 20, CĐR 24, CĐR 25 thuộc CTĐT Bác sĩ đa khoa ban hành theo quyết định 264/QĐ-ĐHYD ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Trường đại học Y- Dược Thái Nguyên.

HP nhi khoa 3 sẽ ôn lại, củng cố và hoàn thiện các kiến thức đã học ở học phần nhi khoa 1 và học phần nhi khoa 2. Học phần này giúp sinh viên hoàn thiện hơn các kỹ năng khám bệnh, ra chỉ định xét nghiệm, phân tích quả kết xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhi khoa cơ bản đã học ở học phần nhi khoa 1 và 2, bên cạnh đó học được thêm chẩn đoán, điều trị các bệnh lý khác, bệnh lý ít gặp và phức tạp hơn mà các học phần trước chưa được học. Trong thời gian học lâm sàng sinh viên phải ôn lại những kiến thức đã học ở các học phần Nhi khoa 1 và Nhi khoa 2. Trước khi lên lớp học lý thuyết sinh viên phải chủ động đọc bài lý thuyết và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường tuần 2 -3 buổi. Phần lâm sàng sinh viên học tại trung tâm Nhi khoa bệnh viện trung ương Thái Nguyên. Học các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian từ 7h30- 11h30, trước buổi học lâm sàng chuẩn bị bệnh nhân, bệnh án thảo luận ca bệnh, nắm bệnh nhân trước khi đi buồng, mỗi sinh viên tham gia trực ít nhất một buổi/ tuần thời gian 24h từ 7h sáng ngày hôm trước đến 7h sáng ngày hôm sau.

5. THỰC TẾ TỐT NGHIỆP

Học phần thực tế tốt nghiệp được thực hiện khi sinh viên đã hoàn thành tất cả học phần khác của chương trình BSDK. Bao gồm 4 tín chỉ, hoàn toàn thực hành trong 8 tuần. Mỗi sinh viên được thực tế tại 1 trong 4 khoa nội, ngoại, sản, nhi. Trước đó sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập, giao chỉ tiêu cùng với mức độ cần đạt, các mẫu báo cáo nhóm, mẫu bệnh án. Qua đó, học phần này giúp cho sinh viên trước khi ra trường được rèn luyện tính độc lập, tính chịu trách nhiệm trước các quyết định về chuyên môn khám bệnh, chẩn đoán, điều trị dự phòng, đồng thời tiếp cận được cơ cấu tổ chức, quản lý, các nội quy của bệnh viện, khoa phòng, nâng cao kỹ năng mềm trong hoạt động nhóm chăm sóc bệnh nhân cũng như các hoạt động đoàn thể. Học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 15, 17, 21, 25, 26 của chương trình đào tạo ngành Y khoa. Kết quả học thực hành được thể hiện qua sổ chỉ tiêu, bệnh án, báo cáo nhóm. Các kết quả này được nhận xét và lượng giá trong quá trình và cuối đợt thực tế.

9. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

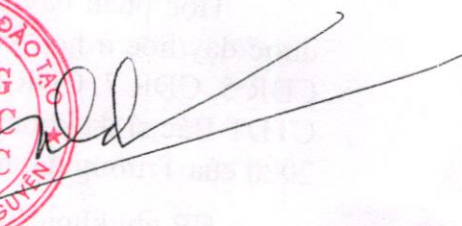
Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc chiến chống thực dân Pháp và đế

Quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng